

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHỆ HA LÔ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2025

Bình Dương, ngày 16 tháng 04 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
- Quý cổ đông

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ

- Mã chứng khoán: HLO
- Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, Khu Phố Khánh Lộc, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 0274.7301718 Fax: 02743.639738
- E-mail: fnc@halo.net.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

CTCP Công nghệ Ha Lô công bố thông tin về báo cáo thường niên năm 2024.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 16/04/2025 tại đường dẫn <https://www.halo.net.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

Báo cáo thường niên năm 2024

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



KỶ MINH DU

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024





MỤC LỤC

01

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
Định hướng phát triển
Các rủi ro

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Tổ chức và nhân sự
Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
Tình hình tài chính
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

03

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
Tình hình tài chính
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
Kế hoạch phát triển trong tương lai
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

04

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị
Ban kiểm soát
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát
Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ
Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát
Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán
Báo cáo tài chính

1

THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên công ty	:	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ
Tên Tiếng Anh	:	HALO TECHNOLOGIES JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	:	Ha Lo Technologies JSC
Mã cổ phiếu	:	HLO

Giấy CNĐKDN số : 3702308640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 16/10/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 24/04/2023

Vốn điều lệ : 80.000.000.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 84.000.000.000 đồng

Website : www.halo.net.vn

Địa chỉ : Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, Khu Phố Khánh Lộc, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Số điện thoại : 0274.7301718

Số fax : 02743.639738

Logo





LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2014

Ngày 16/10/2014, Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô được thành lập với số vốn ban đầu là 10 tỷ đồng. Trụ sở chính của công ty đặt tại bản đồ số 38, đường ĐT 747B, tổ 6, ấp Khánh Vân, phường Khánh Bình, Tp. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Hoạt động kinh doanh chính của công ty lúc bấy giờ là mua bán các loại hóa chất dùng trong xử lý bề mặt kim loại.

2015

Ngày 27/07/2015, Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô đã chuyển trụ sở chính đến thửa đất số 575 và 87 (sau này được gộp thành thửa đất số 1616), tờ bản đồ số 39, đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Khánh Bình, Tp. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

2016

Công ty đã đầu tư xây dựng nhà xưởng hiện đại, trang bị hệ thống tự động hóa tiên tiến. Đồng thời, công ty mở rộng phạm vi kinh doanh sang lĩnh vực mua bán, sản xuất, thi công và lắp đặt các thiết bị công nghiệp phục vụ ngành xi mạ, bao gồm dây chuyền xi mạ, hệ thống xử lý nước thải và hệ thống lọc không khí,...

2017

Ngày 01/01/2017, nhà xưởng của công ty đã hoàn thành và chính thức đi vào hoạt động, đạt công suất trung bình 2.500 hệ thống xi mạ và thiết bị đi kèm mỗi năm. Đến giữa năm 2017, công ty đã xuất xưởng lô hệ thống xi mạ đầu tiên.

2018

Sau một thời gian nhà xưởng hoạt động, Công ty có nhiều hợp đồng giá trị lớn mang lại doanh thu, lợi nhuận cao.

2023

Dựa theo Công văn số 3042/UBCK-GSĐC do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 24 tháng 5 năm 2023, Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô chính thức được công nhận là công ty đại chúng. Sự kiện này thể hiện cam kết của công ty về tính minh bạch trong hoạt động.

Ngày 11/07/2023, Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 09/2023/GCNCP-VSD cho công ty, với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký ban đầu là 8 triệu cổ phiếu và mã chứng khoán là HLO.

Chiến lược phát triển của công ty tập trung vào việc duy trì và mở rộng thị phần trong nước, đồng thời đẩy mạnh xuất khẩu.

2024

Cổ phiếu của Công ty chính thức được đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán vào ngày 24/06/2024





NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH



Ngành nghề kinh doanh

- **Kinh doanh**
Bán buôn hóa chất xử lý bề mặt kim loại, nguyên liệu nhựa công nghiệp; máy móc thiết bị xi mạ, phụ tùng máy móc thiết bị, phụ kiện ngành công nghiệp.
- **Sản xuất và tư vấn, quản lý kỹ thuật**
Công ty chuyên về sản xuất và tư vấn về các thiết bị xi mạ, các hệ thống xử lý chất thải, lọc không khí, lọc nước.



Địa bàn kinh doanh

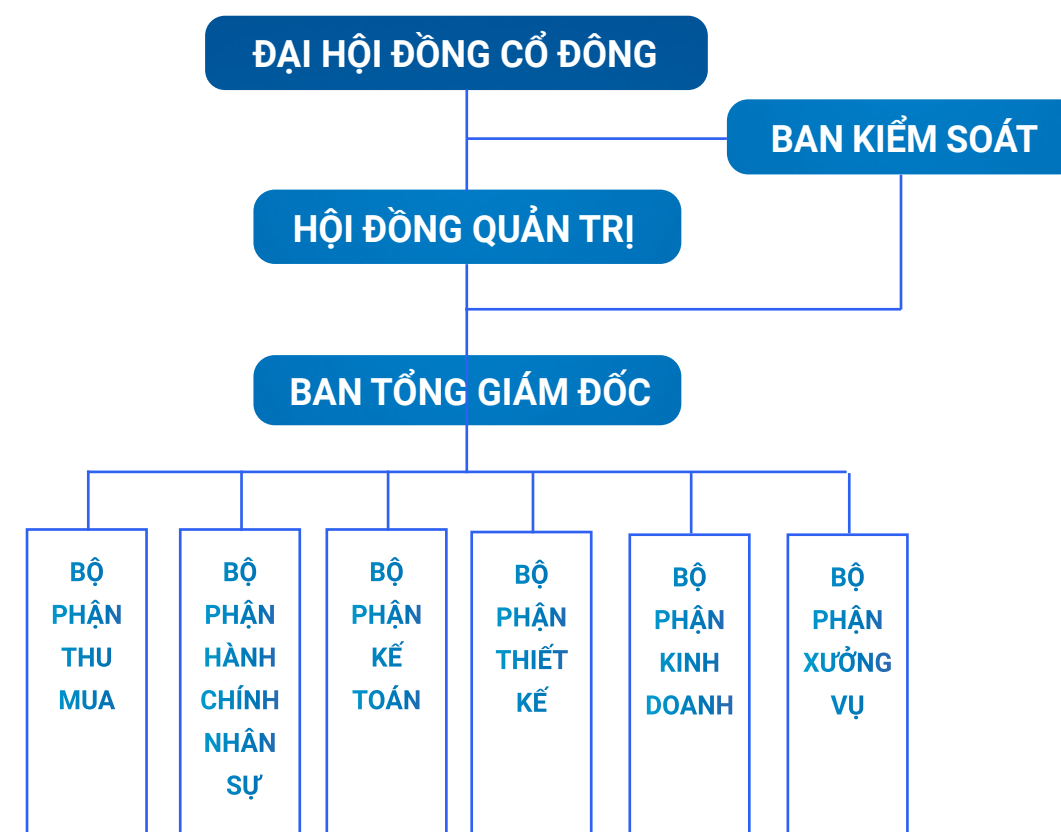
Công ty Ha Lô có địa chỉ tại thửa đất số 1616, tờ bản đồ số 39, đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Công ty sở hữu một xưởng sản xuất rộng 8.615 m² ở Bình Dương, được trang bị nhiều thiết bị hiện đại, quy mô vừa và lớn.

Thị trường

- **Nội địa**
Công ty cung cấp các sản phẩm và dịch vụ chủ yếu ở các tỉnh và thành phố như Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, Long An, Bà Rịa Vũng Tàu, Bình Phước, Hà Nội
- **Xuất khẩu**
Các thị trường mục tiêu của Công ty là Thái Lan, Indonesia,...

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ





THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Mô hình quản trị công ty: Mô hình quản trị Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu hoặc người được cổ đông ủy quyền, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty, trong đó có quyền bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị của Công ty bao gồm 09 thành viên và đóng vai trò là cơ quan quản lý của Công ty. Với tư cách đại diện cho các cổ đông, Hội đồng quản trị có toàn quyền thay mặt Công ty đưa ra quyết định về mọi vấn đề liên quan đến mục tiêu và lợi ích của Công ty, ngoại trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Mỗi nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị kéo dài 05 năm. Thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ theo nhiệm kỳ chung của Hội đồng và có thể được tái bầu mà không giới hạn số lần. Hội đồng quản trị cũng tiến hành bầu Chủ tịch từ một trong các thành viên theo nguyên tắc quá bán.



BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên, trong đó Trưởng Ban Kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán – kiểm toán. Trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, Ban Kiểm soát đại diện cho cổ đông trong việc giám sát toàn bộ hoạt động của Công ty và được bầu bởi Đại hội đồng cổ đông.

Nhiệm vụ của Ban Kiểm soát là đánh giá tính hợp lý và tuân thủ pháp luật trong hoạt động kinh doanh cũng như báo cáo tài chính của Công ty. Hoạt động một cách độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về các công việc do mình thực hiện.



BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc bao gồm 01 Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, chịu trách nhiệm điều hành và quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty. Đồng thời, Tổng Giám đốc báo cáo và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được giao.

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty không có Công ty con và Công ty liên kết.



CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

- Vươn lên trở thành doanh nghiệp hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực cung cấp hệ thống dây chuyền, phụ kiện, thiết bị xi mạ và các dịch vụ hỗ trợ ngành xi mạ.
- Xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, tận tâm trong chăm sóc khách hàng, cùng lực lượng công nhân lành nghề, đảm bảo tạo ra những sản phẩm uy tín và chất lượng cao.
- Nâng cao năng lực quản lý và hiệu quả điều hành của đội ngũ lãnh đạo.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Nâng cao kỹ năng và tay nghề cho toàn bộ nhân viên, hướng tới xây dựng một đội ngũ lao động vững mạnh. Đồng thời, triển khai các chính sách đãi ngộ hấp dẫn nhằm giữ chân nhân sự có chuyên môn cao và thành tích xuất sắc.
- Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao hiệu suất vận hành, tối ưu chi phí sản xuất. Việc đổi mới công nghệ sản xuất không chỉ giúp cải thiện chất lượng sản phẩm mà còn đáp ứng những yêu cầu khắt khe của khách hàng.
- Quản lý cơ cấu nguồn vốn linh hoạt theo từng giai đoạn, đảm bảo khả năng ứng phó với rủi ro trong thời kỳ khó khăn và tận dụng cơ hội trong chu kỳ tăng trưởng. Tập trung nguồn lực vào các hoạt động có hiệu quả cao thay vì đầu tư dàn trải.

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



- Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về môi trường, đồng thời cung cấp cho khách hàng những sản phẩm đạt tiêu chuẩn xanh, góp phần đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững của các doanh nghiệp.
- Công ty thực hiện nghiêm túc thực hiện các chính sách liên quan đến người lao động theo quy định của Nhà nước, đồng thời xây dựng cơ chế an sinh xã hội tốt. Hoạt động đào tạo và phát triển sự nghiệp cho cán bộ nhân viên được chú trọng nhằm khuyến khích sự gắn bó lâu dài của đội ngũ nhân sự.
- Bên cạnh việc thúc đẩy tăng trưởng kinh doanh, Công ty còn hướng tới sự phát triển bền vững của cộng đồng xung quanh, thông qua những đóng góp thiết thực cho khu vực nơi Công ty hoạt động sản xuất.

RỦI RO KINH TẾ

Trong năm 2024, kinh tế thế giới ghi nhận những tín hiệu phục hồi tích cực nhờ nhu cầu hàng hóa gia tăng, áp lực lạm phát giảm dần và chuỗi cung ứng được cải thiện. Tuy nhiên, nền kinh tế toàn cầu vẫn đối diện nhiều thách thức, bao gồm căng thẳng địa chính trị, xung đột quân sự, và tác động ngày càng nghiêm trọng của biến đổi khí hậu. Những yếu tố này có thể gây gián đoạn thương mại, đầu tư và chuỗi cung ứng, ảnh hưởng đến các ngành sản xuất và xuất khẩu, trong đó có lĩnh vực xi mạ và công nghệ phụ trợ mà HLO đang hoạt động.

Tại Việt Nam, nền kinh tế tiếp tục duy trì sự ổn định với GDP năm 2024 tăng 7,09%, kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 405,53 tỷ USD, tăng 14,3% so với năm trước. Chính phủ cũng đẩy mạnh đầu tư vào hạ tầng và công nghệ sản xuất nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Tuy nhiên, các doanh nghiệp vẫn chịu áp lực từ những hạn chế nội tại và tác động của kinh tế toàn cầu. Đặc biệt, ngành công nghiệp phụ trợ, trong đó có HLO, có thể đối mặt với tình trạng thiếu đơn hàng nếu đà phục hồi của ngành sản xuất công nghiệp không đạt kỳ vọng.



Bên cạnh đó, sự biến động lãi suất tiếp tục là một rủi ro đáng kể. Ngày 18/12/2024, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) quyết định cắt giảm lãi suất lần thứ ba liên tiếp, đưa mức lãi suất xuống 4,25% - 4,50%. Tuy nhiên, tại Việt Nam, chính sách tiền tệ lại có xu hướng thắt chặt hơn nhằm kiểm soát tỷ giá. Điều này khiến chi phí vay vốn tăng cao, ảnh hưởng đến các doanh nghiệp có sử dụng đòn bẩy tài chính như HLO.

Để giảm thiểu rủi ro kinh tế, Ban lãnh đạo Công ty chủ động theo dõi sát sao thị trường, cập nhật kịp thời các thay đổi chính sách vĩ mô và điều chỉnh chiến lược kinh doanh phù hợp. Công ty cũng tập trung vào tối ưu hóa sản xuất, cải tiến công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm gia tăng sức cạnh tranh và giảm thiểu tác động tiêu cực từ những biến động kinh tế. Trong bối cảnh nhiều thách thức nhưng cũng không ít cơ hội, HLO cam kết phát triển bền vững và duy trì vị thế vững chắc trên thị trường.



RỦI RO PHÁP LUẬT

Những thay đổi trong hệ thống chính sách và pháp luật tiếp tục tác động mạnh mẽ đến nền kinh tế nói chung và lĩnh vực sản xuất, tư vấn, thiết kế thiết bị xi mạ nói riêng. Trong năm 2024, xu hướng hoàn thiện khung pháp lý về môi trường kinh doanh, đầu tư, thuế và tiêu chuẩn kỹ thuật trong ngành công nghiệp hỗ trợ tiếp tục được đẩy mạnh, đòi hỏi doanh nghiệp phải chủ động thích ứng để đảm bảo tuân thủ và phát triển bền vững.

HLO luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật Việt Nam, bao gồm Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, chính sách thuế, hải quan và các quy định liên quan đến sản xuất thiết bị công nghiệp. Đặc biệt, với tư cách là một công ty đại chúng, HLO chịu sự giám sát chặt chẽ theo Luật Chứng khoán, đảm bảo tính minh bạch trong hoạt động kinh doanh, bảo vệ quyền lợi cổ đông và nhà đầu tư.

Bên cạnh đó, các yêu cầu ngày càng cao về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững đặt ra nhiều điều chỉnh quan trọng trong hoạt động sản xuất

của Công ty. HLO không ngừng cập nhật và triển khai các biện pháp tuân thủ theo tiêu chuẩn xanh, đồng thời nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiên tiến để tối ưu hóa quy trình sản xuất, nâng cao hiệu suất hoạt động và đáp ứng các quy định về môi trường.

Nhằm kiểm soát rủi ro pháp lý, Ban lãnh đạo Công ty đã xây dựng và hoàn thiện hệ thống quy chế nội bộ, đảm bảo mọi hoạt động vận hành đều phù hợp với quy định pháp luật hiện hành. Công ty liên tục theo dõi, cập nhật những thay đổi trong chính sách pháp lý và tiêu chuẩn ngành, từ đó chủ động điều chỉnh chiến lược kinh doanh, quy trình sản xuất nhằm duy trì sự ổn định, tối ưu hóa hoạt động và phát triển bền vững trong bối cảnh pháp lý ngày càng hoàn thiện.



RỦI RO CẠNH TRANH

Ngành công nghiệp Việt Nam đang trên đà tăng trưởng mạnh mẽ, hướng đến mục tiêu công nghiệp hiện đại vào năm 2030. Điều này kéo theo sự mở rộng của thị trường cung cấp thiết bị sản xuất và xi mạ, thu hút ngày càng nhiều doanh nghiệp tham gia, làm gia tăng mức độ cạnh tranh. Để duy trì vị thế và phát triển bền vững, doanh nghiệp không chỉ cần nâng cao chất lượng sản phẩm, mà còn phải đổi mới công nghệ, tối ưu chi phí sản xuất và nâng cao giá trị dịch vụ.

HLO xác định rằng để duy trì lợi thế cạnh tranh, Công ty cần liên tục nghiên cứu, ứng dụng công nghệ hiện đại nhằm tạo ra các thiết bị xi mạ có tính năng ưu việt, đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật cao. HLO không chỉ tập trung vào hiệu suất và độ bền sản phẩm, mà còn chú trọng tính bền vững và hiệu quả vận hành, giúp khách hàng tối ưu chi phí, nâng cao năng suất và đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường.

Bên cạnh việc nâng cao chất lượng sản phẩm, HLO đặc biệt quan tâm đến trải nghiệm khách

hàng, không ngừng lắng nghe phản hồi để cải tiến thiết kế, tối ưu hiệu suất thiết bị và xây dựng chính sách hỗ trợ phù hợp. HLO cũng tập trung mở rộng mạng lưới đối tác, nâng cao chất lượng dịch vụ hậu mãi, bảo hành và tư vấn kỹ thuật, giúp khách hàng vận hành thiết bị hiệu quả nhất, tạo ra lợi thế cạnh tranh dài hạn.

Ngoài ra, trước sự cạnh tranh ngày càng gay gắt từ cả doanh nghiệp trong nước và quốc tế, HLO đẩy mạnh chiến lược thương hiệu, nâng cao uy tín và mở rộng thị trường. Công ty chủ động tham gia các triển lãm công nghiệp, hội thảo chuyên ngành, đồng thời hợp tác với các đơn vị nghiên cứu và chuyên gia kỹ thuật để cập nhật xu hướng công nghệ tiên tiến nhất.

Với chiến lược phát triển toàn diện, từ đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, tối ưu dịch vụ khách hàng đến mở rộng thị trường, HLO cam kết duy trì lợi thế cạnh tranh và tiếp tục khẳng định vị thế trong ngành thiết bị sản xuất và xi mạ.



RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Là doanh nghiệp chuyên tư vấn, thiết kế và sản xuất thiết bị xi mạ, HLO không trực tiếp thực hiện quy trình xi mạ nhưng vẫn chịu tác động từ các quy định nghiêm ngặt về bảo vệ môi trường và tiêu chuẩn kỹ thuật trong ngành. Khi Việt Nam đẩy mạnh công nghiệp hóa, nhu cầu về thiết bị xi mạ ngày càng tăng, đồng nghĩa với việc các yêu cầu về hiệu suất, tiết kiệm năng lượng và kiểm soát tác động môi trường đối với thiết bị cũng trở nên khắt khe hơn.

HLO nhận thức rõ rằng, nếu thiết bị xi mạ không đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật và quy định môi trường, khách hàng sử dụng có thể gặp khó khăn trong quá trình vận hành, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất và có nguy cơ vi phạm quy định pháp luật. Điều này không chỉ tác động đến khả năng cạnh tranh của khách hàng, mà còn gián tiếp ảnh hưởng đến uy tín của HLO trong ngành.

Để giảm thiểu rủi ro này, HLO luôn tập trung nghiên cứu, phát triển và cải tiến công nghệ, đảm bảo rằng mọi sản phẩm thiết kế và sản xuất đều đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật, thân thiện với môi trường và tối ưu hóa hiệu suất vận hành. Bên cạnh đó, HLO liên tục cập nhật các quy định pháp lý mới nhất, đồng thời chủ động tư vấn cho khách hàng về việc lựa chọn thiết bị phù hợp, tích hợp giải pháp tiết kiệm năng lượng và nâng cao khả năng kiểm soát chất thải.

Trong bối cảnh các quy định môi trường ngày càng siết chặt, HLO cam kết không chỉ cung cấp các thiết bị xi mạ chất lượng cao, mà còn đồng hành cùng khách hàng trong việc tuân thủ các tiêu chuẩn xanh, đảm bảo sản xuất an toàn và bền vững. Việc này không chỉ giúp HLO củng cố vị thế trên thị trường, mà còn góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của ngành xi mạ.



RỦI RO KHÁC

Những rủi ro bất khả kháng như thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh hay hỏa hoạn có xác suất xảy ra thấp nhưng tiềm ẩn hậu quả nghiêm trọng, có thể gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và làm gián đoạn hoạt động kinh doanh. Đặc biệt, trước biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp, thiên tai khó lường và tình hình địa chính trị toàn cầu bất ổn, doanh nghiệp cần chủ động xây dựng phương án ứng phó nhằm giảm thiểu tổn thất và đảm bảo sự ổn định trong vận hành.

Nhận thức rõ những rủi ro này, HLO đã triển khai nhiều biện pháp nhằm bảo vệ tài sản, thiết bị sản xuất và người lao động. HLO chủ động mua bảo hiểm toàn diện cho tài sản, nhà xưởng, thiết bị sản xuất và nhân sự, đảm bảo quyền lợi và khả năng phục hồi nhanh chóng khi xảy ra sự cố. Đồng thời, Công ty liên

tục cải thiện cơ sở hạ tầng, tăng cường các biện pháp an toàn lao động nhằm tạo ra môi trường làm việc an toàn, giúp công nhân viên an tâm làm việc.

Bên cạnh đó, HLO phối hợp với các đơn vị chuyên trách tổ chức các buổi huấn luyện định kỳ về phòng cháy chữa cháy, kỹ năng thoát hiểm và ứng phó với tình huống khẩn cấp. Việc đào tạo này không chỉ nâng cao ý thức an toàn mà còn giúp đội ngũ nhân sự phản ứng nhanh và hiệu quả trong các tình huống bất ngờ, giảm thiểu thiệt hại tối đa.

Với những biện pháp chủ động và toàn diện, HLO cam kết đảm bảo an toàn trong hoạt động, bảo vệ quyền lợi người lao động và duy trì sự ổn định kinh doanh, ngay cả khi phải đối mặt với những rủi ro bất khả kháng.

2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

Đơn vị tính: Triệu đồng

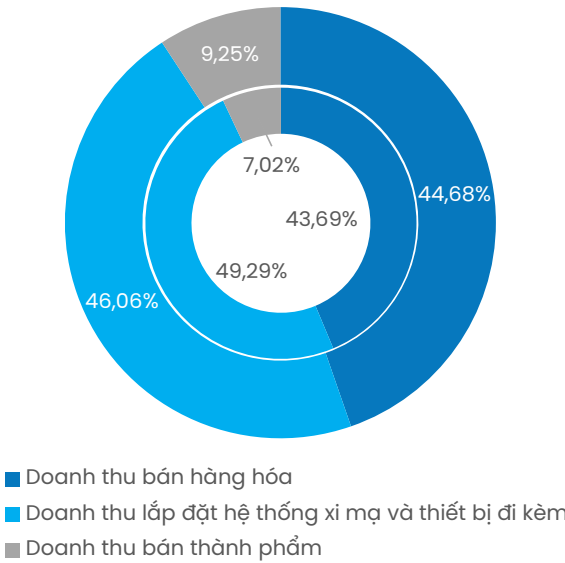
STT	Doanh thu thuần	Năm 2023		Năm 2024		% tăng, giảm
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Doanh thu bán hàng hóa	44.044	43,69%	48.920	44,68%	11,07%
2	Doanh thu lắp đặt hệ thống xi mạ và thiết bị đi kèm	49.690	49,29%	50.428	46,06%	1,49%
3	Doanh thu bán thành phẩm	7.075	7,02%	10.131	9,25%	43,19%
Tổng cộng		100.809	100%	109.479	100%	8,60%

Năm 2024, trong bối cảnh nền kinh tế có dấu hiệu phục hồi nhưng vẫn còn nhiều thách thức từ biến động tài chính toàn cầu và sự cạnh tranh trong ngành công nghiệp phụ trợ nhưng HLO đã đạt được mức tăng trưởng doanh thu ổn định nhờ chiến lược tối ưu hóa hoạt động kinh doanh.

Tổng doanh thu thuần của HLO trong năm 2024 đạt 109,48 tỷ đồng, tăng 8,6% so với năm 2023. Trong đó, doanh thu từ bán hàng hóa đạt 48,92 tỷ đồng, chiếm 44,68% tổng doanh thu, tăng 11,07% so với cùng kỳ. Đây là kết quả của việc mở rộng thị trường, đa dạng hóa nguồn cung ứng và cải tiến sản phẩm nhằm nâng cao giá trị cung cấp cho khách hàng.

Doanh thu từ mảng lắp đặt hệ thống xi mạ và thiết bị đi kèm vẫn giữ vai trò chủ lực trong cơ cấu doanh thu với 50,43 tỷ đồng, chiếm 46,06% tổng doanh thu, tăng nhẹ 1,49% so với năm trước. Mặc dù có sự tăng trưởng nhưng tỷ trọng của mảng này giảm nhẹ do xu hướng chuyển dịch nhu cầu thị trường.

Cơ cấu doanh thu giai đoạn 2023-2024



2023: Vòng trong, 2024: Vòng ngoài

Đặc biệt, doanh thu từ mảng bán thành phẩm ghi nhận sự tăng trưởng vượt bậc, đạt 10,13 tỷ đồng, chiếm 9,25% tổng doanh thu, tăng 43,2% so với năm 2023. Kết quả này phản ánh sự cải tiến trong công nghệ sản xuất, tối ưu hóa quy trình và mở rộng danh mục sản phẩm, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2024	% TH 2024/2023	% TH/KH 2024
Doanh thu thuần	100.570	109.452	130.472	108,83%	83,89%
Lợi nhuận sau thuế	5.431	8.723	13.074	160,63%	66,72%

Năm 2024, HLO ghi nhận 109,45 tỷ đồng doanh thu thuần và 8,72 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, tương ứng hoàn thành 83,89% và 66,72% kế hoạch năm. So với năm 2023, doanh thu thuần tăng 8,83%, trong khi lợi nhuận sau thuế tăng mạnh 60,63%, phản ánh những nỗ lực tối ưu hóa chi phí và cải thiện hiệu quả hoạt động của Công ty.

Tuy nhiên, HLO chưa hoàn thành kế hoạch đề ra do nhiều yếu tố tác động từ cả bên ngoài lẫn nội tại. Sự suy giảm nhu cầu từ khách hàng công nghiệp khi một số doanh nghiệp xi mạ cắt giảm quy mô đầu tư do biến động kinh tế và chính sách tài chính thắt chặt đã ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng doanh thu. Bên cạnh đó, một số dự án lớn đã báo giá nhưng bị trì hoãn hoặc kéo dài thời gian quyết định đầu tư, làm ảnh hưởng đến đơn hàng của HLO. Bên cạnh đó, HLO cũng chịu tác động từ sự tăng giá nguyên vật liệu nhập khẩu và biến động tỷ giá USD/VND, khiến chi phí sản xuất biến động và biên lợi nhuận bị thu hẹp. Ngoài ra, chi phí vận hành doanh nghiệp gia tăng, đặc biệt là chi phí nhân công, logistics và các khoản chi phí cố định khác, tạo thêm áp lực lên lợi nhuận. Cạnh tranh trong ngành ngày càng khốc liệt

khi nhiều doanh nghiệp đẩy mạnh chiến lược giảm giá, cải thiện dịch vụ hậu mãi, ảnh hưởng đến khả năng gia tăng doanh thu và tối ưu hóa lợi nhuận của Công ty.

Mặc dù đối mặt với nhiều thách thức, HLO vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng ổn định, nhờ vào các chiến lược tối ưu vận hành, cải tiến công nghệ và mở rộng thị trường. Trong thời gian tới, HLO sẽ tiếp tục đẩy mạnh nâng cao năng lực sản xuất, mở rộng tệp khách hàng tiềm năng và tối ưu hóa hoạt động nhằm hoàn thành các mục tiêu kinh doanh trong những năm tiếp theo.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Tính tại ngày 31/12/2024

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Kỷ Minh Du	Tổng giám đốc	3.569.190	44.61%
2	Hà Lệ Phương	Thành viên HĐQT	240.510	3.01%
3	Chang Chia Lin	Phó Tổng giám đốc kinh doanh	0	0%
4	Zang Jian Jun	Phó Tổng giám đốc	0	0%
5	Lê Thị Hồng Thắm	Kế toán trưởng	68.400	0,855%

LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

ÔNG KỶ MINH DU

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

- Năm sinh

: 1970
- Nơi sinh

: Thành phố Hồ Chí Minh
- Quá trình công tác

:

Từ 1995 đến 2001

: Sang Việt Nam học tiếng Việt và tìm hiểu thị trường Việt Nam

Từ 2002 đến 2004

: Nhân viên tại DNTN Việt Nhất

Từ 2005 đến 05/2006

: Nhân viên tại Công ty TNHH Việt Nhất 3

Từ 06/2006 đến 12/2012

: Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Việt Nhất 3

Từ 09/2018 đến nay

: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Nhất

Từ 10/2007 đến 05/2013

: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng Việt Nhất

Từ 06/2013 đến nay

: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Việt Nhất

Từ 05/2016 đến nay

: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô

Từ 06/2016 đến 04/2021

: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghệ Ha lô

Từ 04/2021 đến nay

: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghệ Ha lô

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

- Vợ: Tôn Nữ Bảo Vy: 798.100 cổ phiếu – tỷ lệ: 9,98%

Chị gái: Chi Tsui Ling: 328.200 cổ phiếu – tỷ lệ: 4,1%

Anh rể: Chao Leng Tso: 400.000 cổ phiếu – tỷ lệ: 5%

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Nhất

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 3.569.190 cổ phần, chiếm 44,61% vốn điều lệ



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

BÀ HÀ LỆ PHƯƠNG

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc

- Năm sinh

:

1959
- Nơi sinh

:

Bình Dương
- Quá trình công tác

:

Từ 1980 đến 1993

:

Kinh doanh tự do trong lĩnh vực gốm sứ

Từ 1994 đến 1999

:

Giáo viên tiếng Trung tại trường tiểu học Tân Dân

Từ 2000 đến 2006

:

Giám đốc Công ty TNHH Việt Nhất

Từ 2007 đến nay

:

Giám đốc Công ty Cổ phần Công Nghiệp Việt Nhất

Từ 2014 đến nay

:

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

- Em: Hà Tịnh Nhi: 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625%

Em: Hà Trọng Cảnh: 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625%

Em: Hà Trọng An: 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625%

Em: Hà Trọng Thiêm: 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625%

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Nhất

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 240.510 cổ phần, chiếm 3,01% vốn điều lệ

ÔNG CHANG CHIA LIN

Phó Tổng giám đốc kinh doanh

- Năm sinh

:

1978
- Nơi sinh

:

Đài Loan
- Quá trình công tác

:

Từ 1994 đến 1999

:

Quản lý sản xuất Công ty Nghĩa Xương

Từ 1999 đến 2007

:

Quản lý sản xuất Công ty Danh Tường

Từ 2007 đến 2009

:

Trợ lý Tổng giám đốc Công ty Đài Triển

Từ 2009 đến 2017

:

Giám đốc sản xuất tại Công ty TNHH Hưng Nhất

Từ 2017 đến nay

:

Làm việc tại bộ phận kinh doanh Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô

Từ 07/2021 đến nay

:

Phó Tổng Giám đốc kinh doanh Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

ÔNG ZHANG JIAN JUN

Phó Tổng giám đốc

- Năm sinh

:

1978
- Nơi sinh

:

Đài Loan
- Quá trình công tác

:

Từ 07/1992 đến 12/1995

:

Học chuyên ngành kỹ thuật cơ điện tại Đại học Công nghệ Thiệu Dương

Từ 08/1995 đến 03/1996

:

Công việc phay/tiện tại Xưởng dụng cụ ăn, Thành Phố Nam Hải, Tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc

Từ 05/1996 đến 04/2003

:

Trưởng phòng cơ khí làm việc tại Công ty hữu hạn nguyên vật liệu xi mạ Thiên Thành, Thành Phố Đông Quan, Tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc

Từ 05/2003 đến 09/2014

:

Tổng Giám Đốc tại Công ty Thiết bị Cơ khí Liên Hưng Thành Phố Đông Quan, Thiết bị xử lý bề mặt kim loại, mua bán, sản xuất,

Từ 10/2014 đến 03/2018

:

Tổng Giám Đốc tại Công ty Thiết Bị Cơ Khí Dụ Hân, Thành Phố Đông Quan, Trung Quốc

Từ 04/2019 đến nay

:

Làm việc tại Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô

Từ 07/2021 đến nay

:

Phó Tổng Giám đốc kinh doanh Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

BÀ LÊ THỊ HỒNG THẨM

Kế toán trưởng

- Năm sinh

:

1973
- Nơi sinh

:

Tiền Giang
- Quá trình công tác

:

Từ 01/2003 đến 07/2004

:

Nhân viên kế toán Công ty TNHH Xây Dựng Miền Nam

Từ 09/2004 đến 12/2007

:

Nhân viên kế toán Công ty TNHH Việt Nhất_Tân Phú

Từ 01/2008 đến 04/2009

:

Kế toán trưởng Công ty TNHH Việt Nhất_Tân Phú

Từ 05/2009 đến 03/2013

:

Kế toán trưởng Công ty TNHH Surtec Việt Nam

Từ 06/2013 đến 10/2015

:

Kế toán trưởng Công ty TNHH CNC Sài Gòn

Từ 01/2016 đến nay

:

Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xây Dựng Việt Nhất

Từ 10/2014 đến 09/2023

:

Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công Nghệ Ha Lô

Từ 01/2016 đến nay

:

Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

- Em gái: Lê Thị Thúy Liên: 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625%

Chồng: Nguyễn Xuân Phú: 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625%

Chị gái: Lê Thị Thanh Hồng: 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625%

Em trai: Lê Chí Tâm: 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625%

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xây Dựng Việt Nhất

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 68.400 cổ phần, chiếm 0,8550% vốn điều lệ



SỐ LƯỢNG CÁN BỘ NHÂN VIÊN

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ	84	100%
1	Đại học và sau đại học	21	25%
2	Cao đẳng, trung cấp	9	11%
3	Lao động phổ thông	54	64%
II	Theo tính chất hợp đồng lao động	84	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	33	39%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	51	61%
III	Theo giới tính	75	100%
1	Nam	61	73%
2	Nữ	23	27%

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN: Không có

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT: Không có

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

TUYỂN DỤNG



HLO xây dựng kế hoạch nhân sự hàng năm dựa trên nhu cầu lao động của từng bộ phận và sự biến động của thị trường. Công ty chủ động công bố thông tin tuyển dụng qua nhiều kênh khác nhau, đồng thời thực hiện quy trình tuyển chọn kỹ lưỡng nhằm đảm bảo ứng viên được bố trí đúng vị trí phù hợp, tối ưu hóa hiệu quả làm việc. Ngoài ra, HLO cũng chú trọng đào tạo kỹ năng cần thiết ngay từ giai đoạn đầu nhằm giúp nhân sự mới nhanh chóng thích nghi với công việc.

ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN



Với phương châm “Nhân lực là nền tảng cho sự thành công”, HLO không ngừng đầu tư vào công tác đào tạo và phát triển nhân sự. Công ty tổ chức các chương trình đào tạo chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ nhằm nâng cao trình độ đội ngũ nhân viên, giúp họ đáp ứng yêu cầu công việc và phát triển sự nghiệp bền vững. Các khóa đào tạo được triển khai bài bản, không chỉ giúp nhân sự hoàn thiện năng lực cá nhân mà còn góp phần nâng cao vị thế cạnh tranh của Công ty, tối ưu hóa hiệu quả quản lý và vận hành.

MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC



Công ty đặc biệt chú trọng xây dựng một môi trường làm việc an toàn, lành mạnh và công bằng, đáp ứng đầy đủ các quy định pháp lý và tiêu chuẩn quốc tế về lao động. Bên cạnh đó, công ty trang bị đầy đủ trang bị bảo hộ đạt chuẩn cho công nhân, nhằm duy trì hiệu quả công việc và an toàn lao động.

CHÍNH SÁCH LƯƠNG, THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI



Chính sách lương của HLO được xây dựng dựa trên hệ thống thang bảng lương của Nhà nước, tham chiếu với mặt bằng chung trong ngành và năng suất làm việc của từng cá nhân. Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ theo quy định pháp luật, đồng thời có chính sách khen thưởng kịp thời nhằm ghi nhận những đóng góp của cá nhân và tập thể xuất sắc. Ngoài ra, các chính sách phúc lợi và đãi ngộ được thiết kế nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ nhân viên, tạo động lực gắn kết và phát triển đội ngũ nhân sự bền vững.

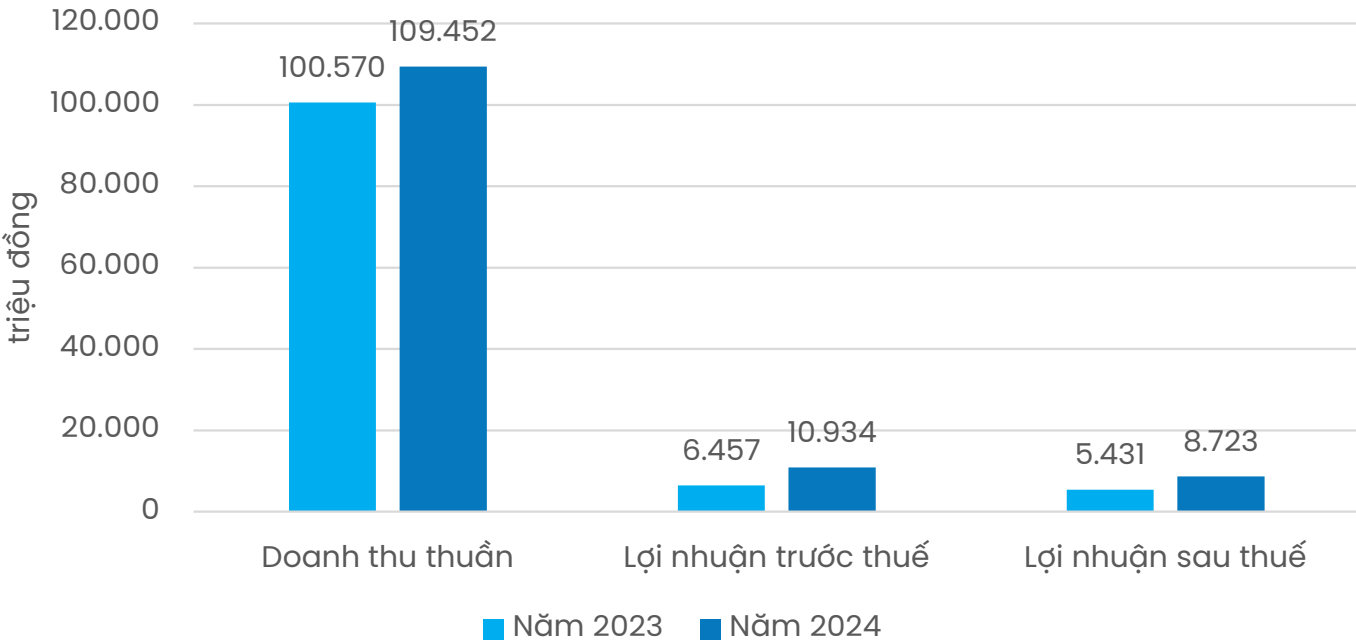


TÌNH HÌNH
TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/ giảm
1	Tổng giá trị tài sản	149.768	174.925	116,80%
2	Doanh thu thuần	100.570	109.452	108,83%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	5.671	8.904	157,01%
4	Lợi nhuận khác	786	2.029	258,14%
5	Lợi nhuận trước thuế	6.457	10.934	169,34%
6	Lợi nhuận sau thuế	5.431	8.723	160,61%
7	Tỷ lệ cổ tức	-	-	-

Tình hình tài chính Công ty



Năm 2024, HLO tiếp tục ghi nhận kết quả tài chính khả quan, khẳng định nỗ lực tối ưu hóa hoạt động, kiểm soát chi phí hiệu quả và mở rộng thị trường trong bối cảnh kinh tế còn nhiều biến động.

Tổng giá trị tài sản đạt 174,93 tỷ đồng, tăng 16,80% so với năm 2023. Đồng thời, doanh thu thuần đạt 109,45 tỷ đồng, tăng 8,83%, nhờ vào sự phục hồi trong nhu cầu khách hàng và khả năng thích ứng linh hoạt của HLO trước những thách thức của thị trường.

Một điểm sáng trong hoạt động kinh doanh năm qua là lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng mạnh 57,01%, đạt 8,90 tỷ đồng. Đây là kết quả của

chiến lược tối ưu vận hành, kiểm soát chặt chẽ chi phí đầu vào và nâng cao hiệu quả sản xuất.

Nhờ những nỗ lực không ngừng, lợi nhuận trước thuế đạt 10,93 tỷ đồng (tăng 69,34% so với cùng kỳ) và lợi nhuận sau thuế đạt 8,72 tỷ đồng (tăng 60,63% so với cùng kỳ), khẳng định sự tăng trưởng bền vững và hiệu quả hoạt động của HLO.

Trong thời gian tới, HLO sẽ tiếp tục đầu tư vào công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm và mở rộng thị trường, hướng tới mục tiêu tăng trưởng mạnh mẽ hơn, đảm bảo sự phát triển bền vững và khẳng định vị thế trong ngành.

TỔNG TÀI SẢN NĂM 2024

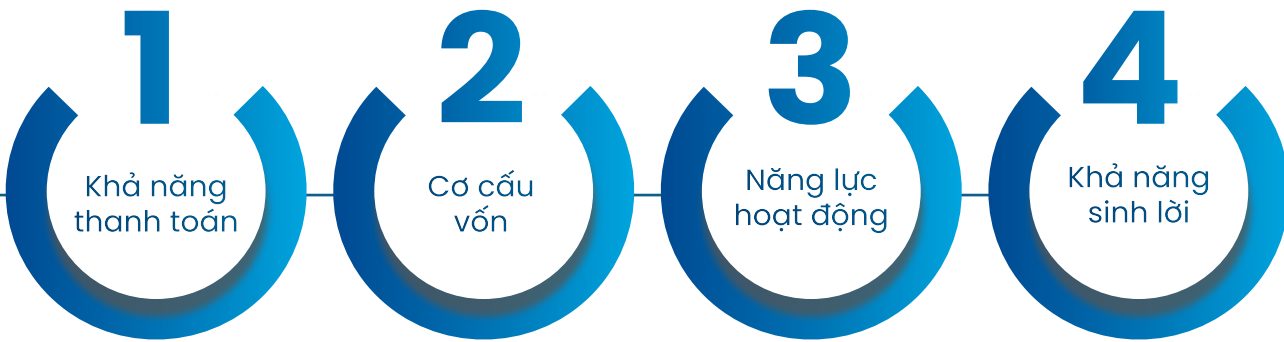
174.925

Triệu đồng

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2023	2024
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	6,03	3,40
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	3,58	2,08
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
2	Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	11,79	19,55
	Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	13,37	24,3
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
3	Vòng quay khoản phải trả	Vòng	3,79	6,56
	Vòng quay khoản phải thu	Vòng	5,63	6,22
	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	1,57	1,90
	Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,63	0,73
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
4	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,40	7,97
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	4,20	6,39
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	3,42	5,37
	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	5,64	8,14

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH



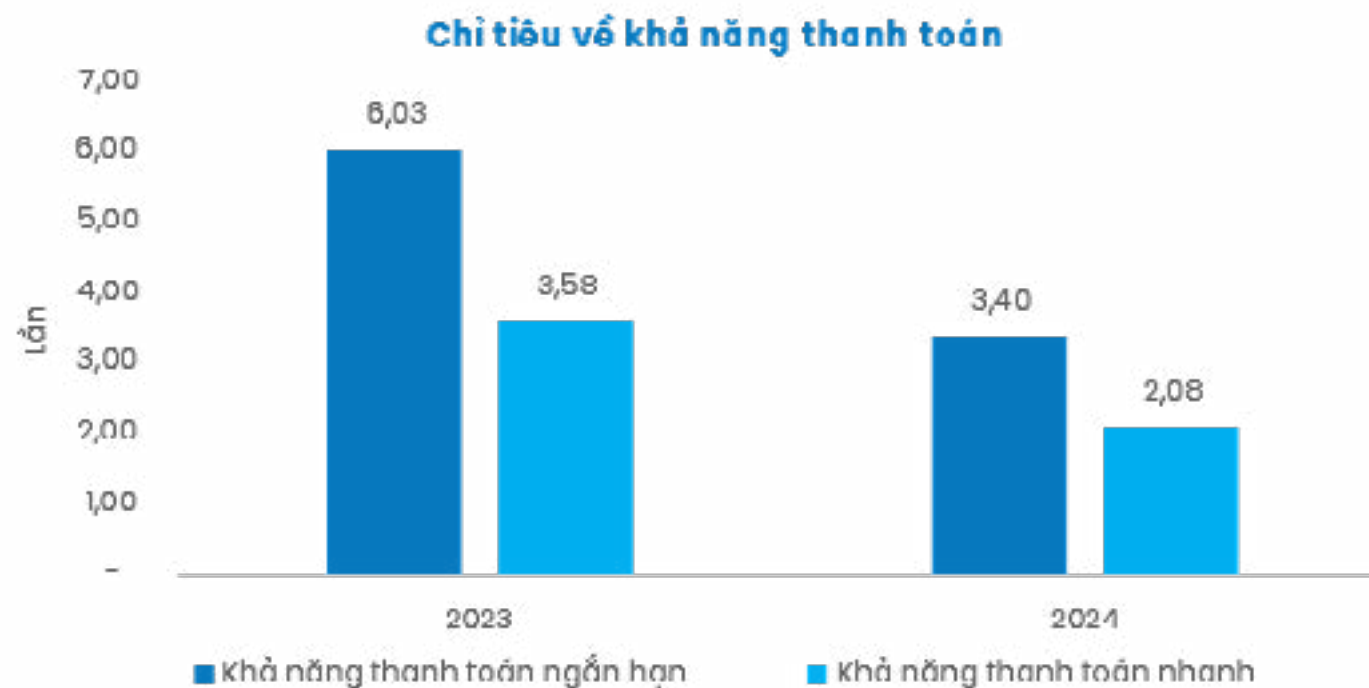
1 Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Trong năm 2024, khả năng thanh toán của HLO có dấu hiệu giảm tốc, thể hiện qua sự sụt giảm của cả hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn và hệ số khả năng thanh toán nhanh.

Cụ thể, hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn giảm mạnh từ 6,03 lần xuống còn 3,40 lần, chủ yếu do nợ ngắn hạn tăng đột biến 16.776 triệu đồng, tương đương mức tăng 97,51% so với năm 2023. Nguyên nhân chính đến từ việc khoản khách hàng trả trước tăng mạnh 10.449 triệu đồng (tương đương 16,54%), làm gia tăng tổng nợ ngắn hạn. Trong khi đó, tài sản ngắn hạn cũng ghi nhận mức tăng 11.674 triệu đồng (tương đương 11,25%), chủ yếu nhờ HLO tăng cường đầu tư ngắn hạn. Tuy nhiên, mức tăng này không theo kịp đà tăng của nợ ngắn hạn, khiến hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn giảm 2,63 lần so với cùng kỳ năm trước.

Bên cạnh đó, hệ số khả năng thanh toán nhanh cũng giảm từ 3,58 lần xuống còn 2,08 lần vào năm 2024, phản ánh sự sụt giảm trong khả năng thanh toán nhanh chóng các khoản nợ ngắn hạn mà không cần thanh lý hàng tồn kho. Dù vậy, mức giảm của hệ số này thấp hơn so với hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn, cho thấy HLO vẫn duy trì được một mức thanh khoản nhất định.

Mặc dù cả hai hệ số thanh toán đều giảm trong năm 2024, nhưng vẫn duy trì trên mức 1 lần, khẳng định rằng HLO vẫn đảm bảo khả năng thanh toán ngắn hạn, duy trì được sự ổn định tài chính trong bối cảnh nợ ngắn hạn gia tăng. Trong thời gian tới, HLO sẽ tiếp tục theo dõi chặt chẽ dòng tiền, tối ưu quản lý tài chính và cân đối nguồn vốn hợp lý nhằm cải thiện khả năng thanh toán và đảm bảo sự phát triển bền vững.



2 Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

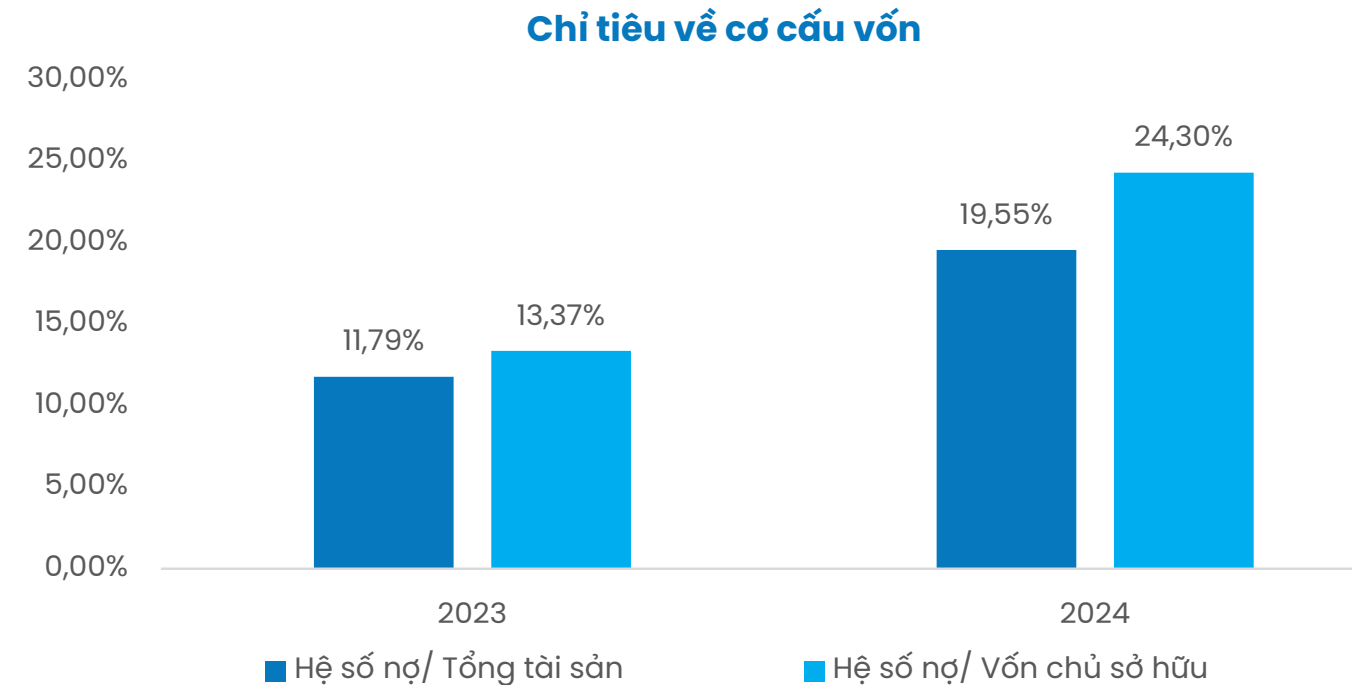
Năm 2024, cơ cấu vốn của HLO có sự thay đổi đáng kể, phản ánh xu hướng gia tăng nợ phải trả và điều chỉnh trong nguồn vốn.

Cụ thể, hệ số nợ trên tổng tài sản tăng từ 11,79% năm 2023 lên 19,55% năm 2024, tỷ trọng nợ trong tổng tài sản đã mở rộng đáng kể. Nợ phải trả tăng 16.539 triệu đồng, tương đương 93,64%, chủ yếu do khoản khách hàng trả trước tăng mạnh, làm gia tăng đáng kể nợ ngắn hạn. Tốc độ tăng trưởng nợ phải trả cũng cao hơn mức tăng 16,80% của tổng tài sản, dẫn đến sự dịch chuyển rõ rệt trong cơ cấu vốn của HLO.

Trong khi đó, nợ dài hạn có xu hướng giảm, ghi

nhận mức giảm 237 triệu đồng (tương ứng mức giảm 51,53%) so với năm 2023. Tuy nhiên, do tỷ trọng nợ dài hạn trong tổng nợ phải trả không lớn, mức giảm này không ảnh hưởng đáng kể đến bức tranh tài chính tổng thể của Công ty.

Bên cạnh sự gia tăng trong hệ số nợ trên tổng tài sản, hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu cũng tăng mạnh từ 13,37% năm 2023 lên 24,3% năm 2024. Nguyên nhân chủ yếu đến từ sự tăng trưởng đột biến trong nợ phải trả, trong khi vốn chủ sở hữu chỉ tăng nhẹ 8.618 triệu đồng (tương ứng mức tăng 6,52%). Quy mô tài sản và vốn chủ sở hữu của HLO tiếp tục mở rộng nhưng chưa theo kịp tốc độ gia tăng của nợ phải trả.



3 Chỉ tiêu năng lực hoạt động

Năm 2024, HLO ghi nhận sự cải thiện đáng kể trong khả năng quản lý công nợ, hiệu suất sử dụng tài sản và tối ưu hóa hàng tồn kho. Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động đều cho thấy sự điều chỉnh chiến lược phù hợp với điều kiện thị trường và định hướng phát triển của HLO.

Vòng quay khoản phải trả tăng mạnh từ 3,79 lần năm 2023 lên 6,56 lần năm 2024, HLO đẩy nhanh tiến độ thanh toán công nợ đối với nhà cung cấp. Khoản phải trả người bán tăng từ 10.981 triệu đồng lên 15.006 triệu đồng, tương ứng mức tăng 36,65%. Bên cạnh đó, người mua trả tiền trước tăng đột biến từ 632 triệu đồng lên 11.080 triệu đồng, tương đương mức tăng 16,54%. Điều này giúp HLO có dòng tiền mạnh hơn để duy trì hoạt động kinh doanh mà không cần phụ thuộc vào nguồn vốn vay. Chính sách thanh toán linh hoạt, kiểm soát tốt công nợ với nhà cung cấp và khách hàng đã giúp HLO tối ưu hóa nguồn vốn ngắn hạn.

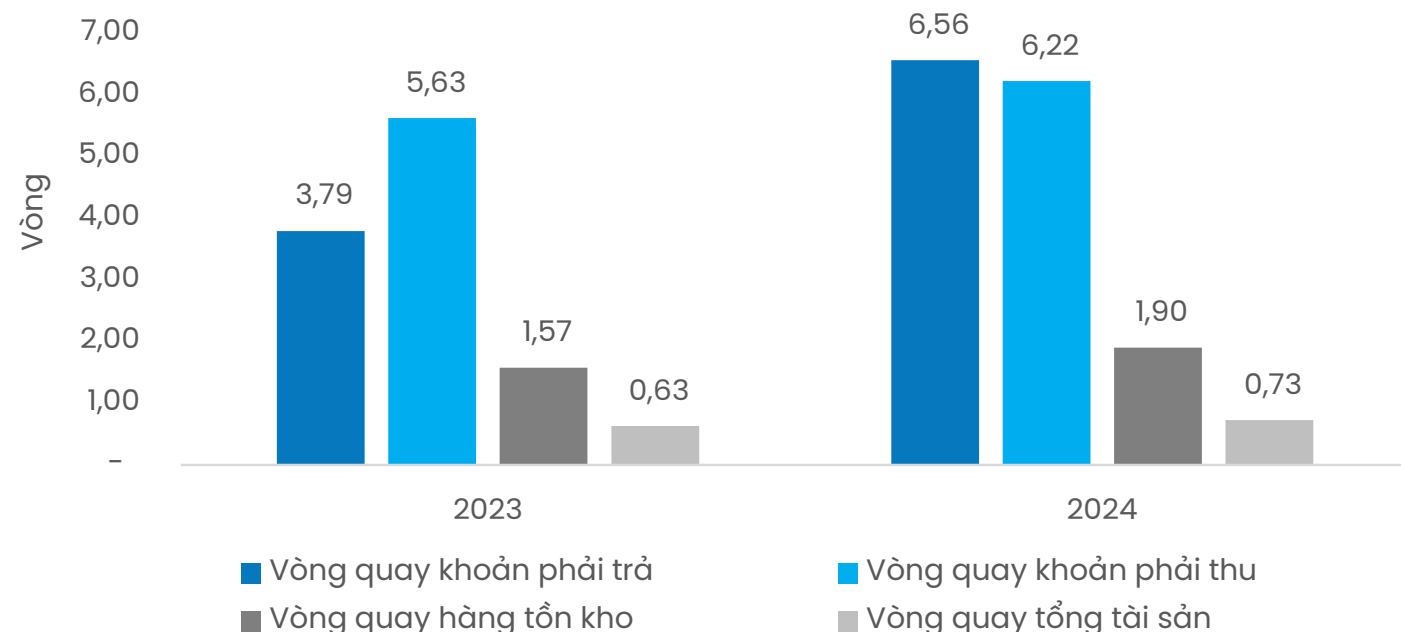
Vòng quay khoản phải thu tăng từ 5,63 lần lên 6,22 lần, phản ánh hiệu quả của công tác thu hồi công nợ. Bình quân các khoản phải thu khách hàng giảm nhẹ từ 14.908 triệu đồng xuống 14.836 triệu đồng khi HLO duy trì chính sách tín dụng ổn định,

hạn chế rủi ro công nợ. Ngoài ra, dự phòng nợ khó đòi tăng mạnh từ 209 triệu đồng lên 1.404 triệu đồng, tương ứng mức tăng 572,25%, thể hiện sự chủ động trong việc kiểm soát và giảm thiểu rủi ro từ các khoản phải thu.

Vòng quay hàng tồn kho cũng ghi nhận mức tăng từ 1,57 lần lên 1,90 lần, cho thấy hiệu quả trong quản lý hàng hóa và điều phối sản xuất. Hàng tồn kho tăng 6,09% từ 42.192 triệu đồng lên 44.760 triệu đồng, chủ yếu do chiến lược dự trữ nguyên vật liệu để đáp ứng nhu cầu sản xuất và đảm bảo chuỗi cung ứng. Tuy nhiên, dự phòng giảm giá hàng tồn kho giảm 21,26%, từ 1.035 triệu đồng xuống còn 815 triệu đồng, phản ánh sự ổn định của chất lượng hàng hóa trong kho.

Vòng quay tổng tài sản cải thiện từ 0,63 lần lên 0,67 lần, khi tổng tài sản tăng từ 149.768 triệu đồng lên 174.925 triệu đồng (tăng 16,80%). Sự gia tăng này chủ yếu đến từ việc đầu tư vào chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn, với giá trị tăng từ 15.000 triệu đồng lên 24.000 triệu đồng (tăng 60%). Đồng thời, tài sản dài hạn tăng 29,30% lên 59.500 triệu đồng, phản ánh chiến lược đầu tư mở rộng của HLO nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh trong dài hạn.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động



4 Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Năm 2024, HLO ghi nhận sự cải thiện đáng kể về khả năng sinh lời khi các chỉ tiêu lợi nhuận đều tăng trưởng mạnh so với năm 2023. Cho thấy hiệu quả trong việc kiểm soát chi phí, tối ưu hóa hoạt động và cải thiện năng suất kinh doanh.

Hệ số lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần tăng từ 5,40% lên 7,97% nhờ sự cải thiện đáng kể trong lợi nhuận sau thuế. Cụ thể, lợi nhuận sau thuế tăng 60,63%, từ 5.431 triệu đồng lên 8.723 triệu đồng, trong khi doanh thu thuần chỉ tăng 8,83%, từ 100.570 triệu đồng lên 109.452 triệu đồng. Sự tăng trưởng này chủ yếu nhờ vào việc kiểm soát hiệu quả giá vốn hàng bán, khi giá vốn giảm 1.327 triệu đồng, tương ứng mức giảm 1,58% so với năm 2023.

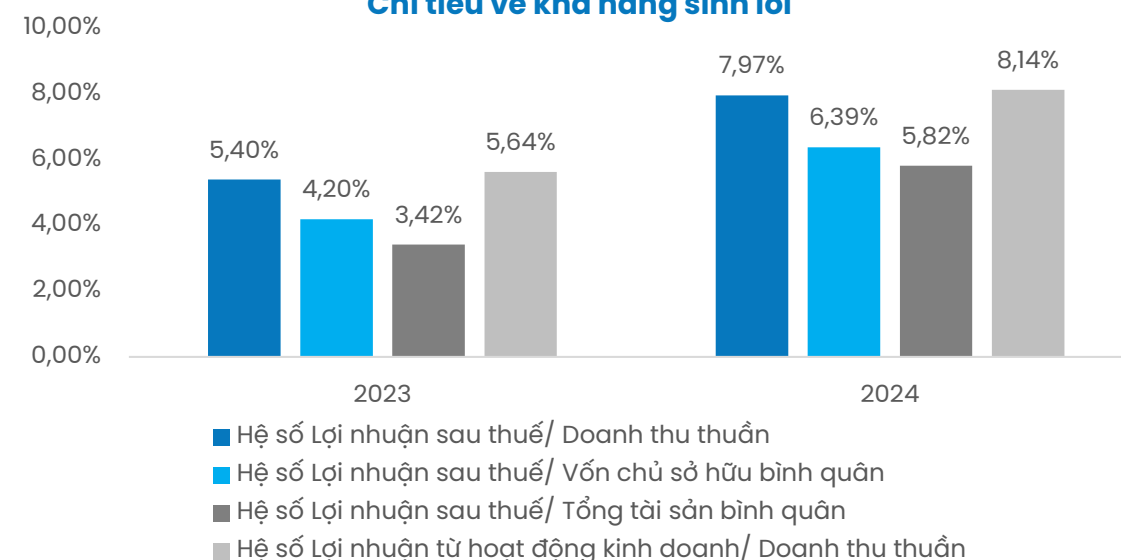
Bên cạnh đó, biên lợi nhuận gộp cũng ghi nhận sự cải thiện đáng kể từ 16,49% lên 24,48%, phản ánh hiệu quả trong quản lý chi phí sản xuất và tối ưu hóa hoạt động kinh doanh. Những yếu tố này đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao lợi nhuận của HLO trong năm 2024, giúp Công ty tiếp tục mở rộng hiệu quả kinh doanh và duy trì đà tăng trưởng bền vững. Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân tăng từ 4,20% lên 6,39% nhờ vào mức tăng trưởng đồng đều của cả lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu. Trong năm, vốn chủ sở hữu tăng 6,52%, từ 132.105 triệu đồng lên 140.723 triệu đồng, chủ yếu nhờ vào phần lợi nhuận chưa phân phối tăng từ 48.105 triệu đồng lên 56.723

triệu đồng. Mặc dù vốn chủ sở hữu tăng, nhưng lợi nhuận sau thuế tăng với tốc độ cao hơn, giúp nâng cao khả năng sinh lời của vốn chủ sở hữu.

Hệ số lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân cũng tăng từ 3,42% lên 5,37%. Tổng tài sản của HLO tăng 16,80%, từ 149.768 triệu đồng lên 174.925 triệu đồng, phần lớn nhờ vào việc tăng cường đầu tư ngắn hạn và mở rộng hoạt động kinh doanh. Trong năm, công ty đã tăng khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn từ 15.000 triệu đồng lên 24.000 triệu đồng, tương ứng mức tăng 60%, đồng thời tăng lượng hàng tồn kho từ 43.227 triệu đồng lên 45.575 triệu đồng để đáp ứng nhu cầu sản xuất. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận vẫn cao hơn so với tốc độ tăng tổng tài sản, dẫn đến việc cải thiện hệ số này.

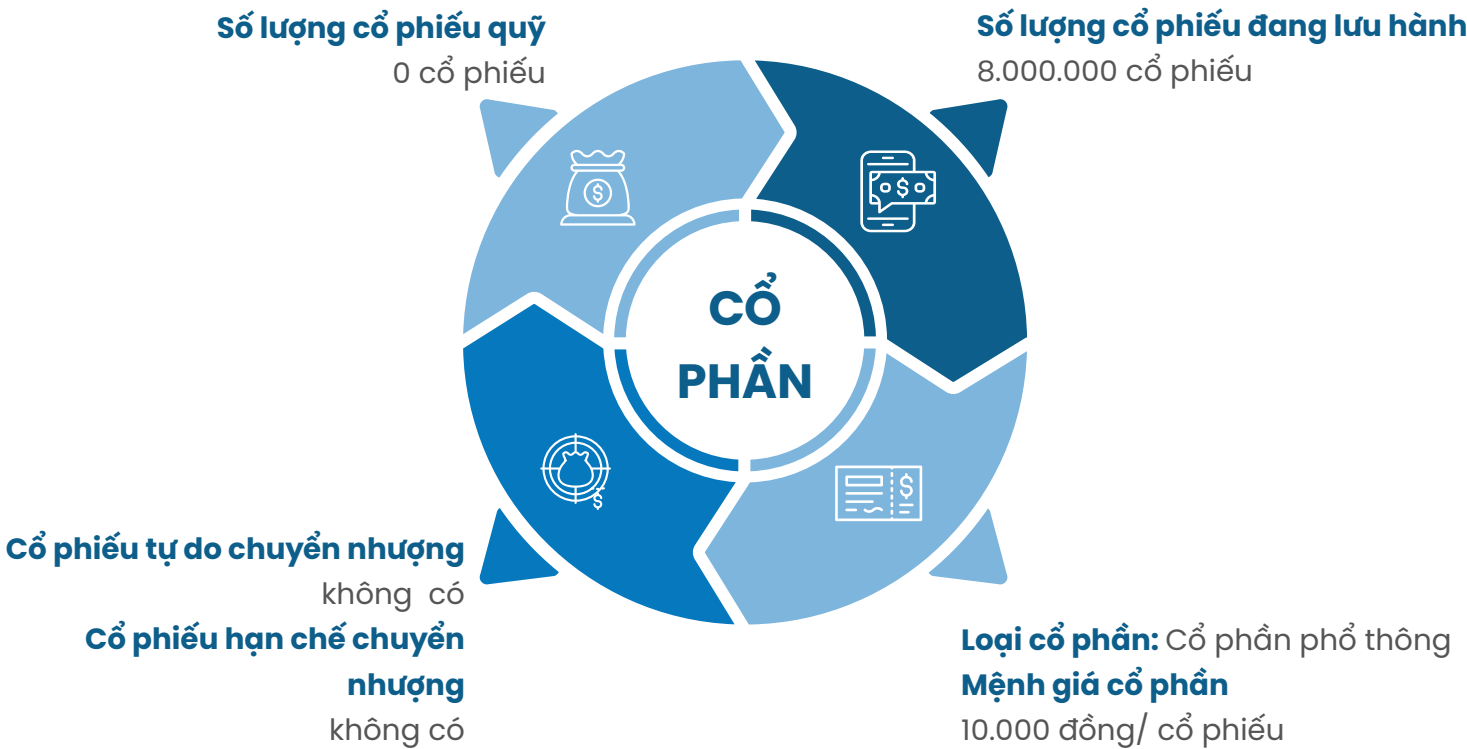
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần tăng từ 5,64% lên 8,14%, khi lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng 57,02%, từ 5.671 triệu đồng lên 8.904 triệu đồng. Mức tăng trưởng này cho thấy HLO đã quản lý tốt chi phí vận hành, trong đó chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 35,14% từ 5.441 triệu đồng lên 7.353 triệu đồng, nhưng doanh thu và biên lợi nhuận gộp tăng mạnh giúp bù đắp phần chi phí này. Việc đẩy mạnh hiệu quả hoạt động kinh doanh giúp doanh nghiệp duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định và nâng cao hiệu suất hoạt động.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời





CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tính tại ngày 31/12/2024

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông Nhà nước	-	-	-
II	Cổ đông trong nước	4.851.800	48.518	60,65%
1	Cá nhân	4.851.800	48.518	60,65%
2	Tổ chức	-	-	-
II	Cổ đông nước ngoài	3.148.200	31.482	39,35%
1	Cá nhân	2.348.200	23.482	29,35%
2	Tổ chức	800.000	8.000	10%
Tổng cộng(I+II)		8.000.000	80.000	100%

TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA

100%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Lần	Thời gian	Vốn điều lệ trước tăng vốn	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau khi tăng vốn	Cơ sở pháp lý	Hình thức tăng vốn
-	Tháng 10/2014	-	-	10	Giấy chứng nhận ĐKDN số 3702308640 do Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 16/10/2014	Các cổ đông sáng lập góp vốn thành lập Công ty
1	Tháng 07/2016	10	16	26	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2016/ND-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2016 Giấy chứng nhận ĐKDN số 3702308640 do KH&ĐT tỉnh Bình Dương cấp thay đổi lần thứ 4 ngày 14/07/2016	Chào bán cho cổ đông hiện hữu
2	Tháng 10/2016	26	14	40	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 03/2016/ND-ĐHĐCĐ ngày 19/09/2016 Giấy chứng nhận ĐKDN số 3702308640 do Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 03/10/2016	Chào bán cho cổ đông hiện hữu
3	Tháng 01/2018	40	20	60	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/01/2018 Giấy chứng nhận ĐKDN số 3702308640 do Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 15/01/2018	Chào bán cho cổ đông hiện hữu
4	Tháng 01/2019	60	20	80	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2018/QĐ ngày 30/10/2028 Giấy chứng nhận ĐKDN số 3702308640 do Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương cấp thay đổi lần thứ 8 ngày 16/01/2019	Chào bán riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu và các nhà đầu tư chiến lược

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không có

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG



Là doanh nghiệp chuyên về tư vấn, thiết kế và sản xuất thiết bị xi mạ, HLO nhận thức rõ trách nhiệm trong việc kiểm soát các tác động môi trường, đặc biệt là những yêu cầu khắt khe về tiêu chuẩn sản xuất xanh trong ngành công nghiệp. Vì vậy, bảo vệ môi trường luôn là một trong những ưu tiên hàng đầu, song hành cùng mục tiêu phát triển bền vững và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

HLO cam kết tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, đảm bảo mọi sản phẩm và quy trình sản xuất đều đáp ứng

các tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn và thân thiện với môi trường. Để hạn chế tác động tiêu cực, HLO liên tục đầu tư vào công nghệ hiện đại, cải tiến thiết kế thiết bị nhằm giúp khách hàng tối ưu hóa quy trình xử lý chất thải và tiết kiệm năng lượng.

Bên cạnh đó, HLO đẩy mạnh xanh hóa quy trình sản xuất, hướng đến sử dụng nguyên vật liệu an toàn, tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu phát thải. Công ty cũng không ngừng kiểm soát chặt chẽ các khâu vận hành, tối ưu hóa mức tiêu thụ điện, nước và nâng cao hiệu suất thiết bị.

Việc kết hợp công nghệ tiên tiến với mô hình quản lý bền vững không chỉ giúp HLO tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường mà còn nâng cao giá trị thương hiệu, xây dựng hình ảnh một doanh nghiệp có trách nhiệm với xã hội và cộng đồng. HLO không chỉ cung cấp các thiết bị xi mạ chất lượng cao, mà còn đồng hành cùng khách hàng trong việc hướng đến một nền công nghiệp sạch, an toàn và phát triển bền vững.

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

HLO luôn đặt chất lượng sản phẩm và trách nhiệm môi trường làm trọng tâm trong hoạt động tư vấn, thiết kế và sản xuất thiết bị xi mạ. Công ty triển khai hệ thống kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt ngay từ khâu lựa chọn nguyên vật liệu, ưu tiên sử dụng các vật liệu an toàn, thân thiện với môi trường, đảm bảo hiệu suất thiết bị tối ưu đồng thời đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn cho người lao động và khách hàng.

Quy trình nhập kho và bảo quản nguyên vật liệu cũng được HLO giám sát chặt chẽ nhằm hạn chế hao hụt, hư hỏng, đảm bảo duy trì chất lượng sản phẩm ổn định trong suốt quá trình sản xuất. Bên cạnh đó, HLO đầu tư công nghệ sản xuất hiện đại, tối ưu hóa quy

trình vận hành để nâng cao hiệu suất sử dụng nguyên phụ liệu, giúp doanh nghiệp không chỉ gia tăng hiệu quả kinh tế mà còn giảm thiểu đáng kể lượng rác thải công nghiệp, góp phần bảo vệ môi trường.

Với những nỗ lực không ngừng trong kiểm soát chất lượng và cải tiến quy trình sản xuất, HLO cam kết mang đến các thiết bị xi mạ có độ chính xác cao, hiệu suất vượt trội, đồng thời duy trì trách nhiệm phát triển bền vững, hướng tới một nền công nghiệp xanh, hiện đại và thân thiện với môi trường.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Tiết kiệm năng lượng là một trong những ưu tiên quan trọng của HLO nhằm tối ưu hóa chi phí vận hành và giảm tác động đến môi trường. HLO đã thiết lập quy tắc nghiêm ngặt trong việc sử dụng điện, áp dụng không chỉ trong hoạt động sản xuất mà còn tại văn phòng làm việc, đảm bảo mọi quy trình vận hành đều tuân theo các tiêu chuẩn tiết kiệm năng lượng.

Công ty không ngừng nghiên cứu và triển khai các biện pháp tối ưu hóa tiêu thụ điện, bao gồm đầu tư vào công nghệ sản xuất tiết kiệm năng lượng, sử dụng hệ thống chiếu sáng và thiết bị máy móc có hiệu suất cao, cùng với việc nâng cao nhận thức của nhân viên về tiết kiệm điện. HLO hướng đến mục

TIÊU THỤ NƯỚC

Quản lý và tiết kiệm tài nguyên nước là một trong những ưu tiên của HLO nhằm tối ưu hóa chi phí vận hành và giảm thiểu tác động đến môi trường. Trong năm 2024, tổng lượng nước tiêu thụ của Công ty đạt 4.964 m³, tương ứng chi phí 71.928.360 đồng. Để đảm bảo sử dụng nước hiệu quả, HLO đã thiết lập hạn mức sử dụng hợp lý cho từng khu vực, từ nhà máy sản xuất đến văn phòng làm việc, góp phần tối ưu hóa nguồn tài nguyên quan trọng này.

Bên cạnh đó, Công ty áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn thông qua việc tái chế và tái sử dụng nước đã qua xử lý. Nước thải sau khi được xử lý đạt chuẩn

tiêu không chỉ giảm chi phí vận hành mà còn đóng góp vào công tác bảo vệ môi trường, phù hợp với xu hướng phát triển bền vững của ngành công nghiệp hiện đại.

Trong năm 2024, tổng lượng điện tiêu thụ của Công ty đạt 267.987 kW, với chi phí tương ứng 642.739.960 đồng, đạt mức chỉ tiêu đã đề ra. Kết quả này phản ánh sự nghiêm túc và cam kết của HLO trong việc thực hiện các biện pháp tiết kiệm năng lượng hiệu quả. Trong năm 2024, Công ty tiếp tục đẩy mạnh các sáng kiến tối ưu hóa tiêu thụ điện, hướng tới một hệ thống sản xuất bền vững, thân thiện với môi trường và nâng cao năng lực cạnh tranh trong ngành.

được thu gom và sử dụng lại cho nhiều mục đích như sản xuất, vệ sinh công cộng, tưới cây, làm mát thiết bị, giúp tiết kiệm chi phí và hạn chế lượng nước thải ra môi trường.

Trong năm 2025, HLO tiếp tục nâng cao hiệu quả quản lý nước, đầu tư vào công nghệ xử lý nước hiện đại, mở rộng phạm vi tái sử dụng, đồng thời tăng cường các biện pháp giám sát và nâng cao ý thức của nhân viên về bảo vệ tài nguyên nước. Những nỗ lực này không chỉ giúp Công ty đảm bảo hoạt động sản xuất bền vững mà còn thể hiện cam kết mạnh mẽ trong việc bảo vệ môi trường và phát triển xanh.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trong bối cảnh “xanh hóa” toàn cầu ngày càng được thúc đẩy mạnh mẽ, các doanh nghiệp trong lĩnh vực thiết kế và sản xuất thiết bị xi mạ, bao gồm HLO, cần đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe về môi trường và trách nhiệm xã hội. Việc tuân thủ các quy định về phát triển bền vững không chỉ giúp nâng cao uy tín thương hiệu, mà còn tạo lợi thế cạnh tranh dài hạn, giúp doanh nghiệp thích ứng với những yêu cầu ngày càng cao từ đối tác và thị trường.

HLO nhận thức rõ trách nhiệm trong bảo vệ môi trường và đảm bảo an toàn sức khỏe con người. Do đó, Công ty luôn áp dụng quy trình sản xuất xanh, tối ưu hóa sử dụng nguyên liệu và năng lượng, đồng thời kiểm soát nghiêm ngặt các yếu tố có thể tác động đến môi trường. Tất cả các thiết bị do HLO sản xuất đều đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng cao, không chỉ

đảm bảo hiệu suất tối ưu mà còn an toàn cho người sử dụng và thân thiện với môi trường.

Bên cạnh việc đầu tư vào công nghệ sản xuất tiên tiến, HLO cũng chú trọng tuyên truyền và nâng cao nhận thức của đội ngũ nhân sự về tầm quan trọng của bảo vệ môi trường. Công ty khuyến khích từng cá nhân giảm thiểu lãng phí năng lượng, tối ưu hóa nguyên vật liệu và áp dụng giải pháp vận hành bền vững trong quá trình làm việc.

Nhờ những nỗ lực không ngừng trong chiến lược phát triển bền vững, HLO tiếp tục giữ vững hình ảnh một doanh nghiệp tiên phong trong đổi mới công nghệ, có trách nhiệm với cộng đồng, không chỉ tạo ra giá trị kinh tế bền vững, mà còn góp phần xây dựng một môi trường công nghiệp xanh và hiện đại hơn.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG, MỨC LƯƠNG TRUNG BÌNH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Tổng số lượng người lao động (người)	99	76	75	84
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	10.908.000	12.054.000	13.058.161	15.655.260

CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG NHẪM ĐẢM BẢO SỨC KHỎE, AN TOÀN VÀ PHÚC LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Để trở thành một doanh nghiệp vững mạnh, nguồn nhân lực chất lượng là yếu tố cốt lõi quyết định sự thành công, HLO không chỉ tập trung vào chiến lược kinh doanh đúng đắn mà còn cam kết xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển trong dài hạn.

HLO luôn chú trọng tạo dựng môi trường làm việc an toàn, thoải mái, giúp nhân viên có điều kiện thuận lợi để phát huy tối đa năng lực, duy trì tinh thần trách nhiệm cao và đạt hiệu quả công việc tốt nhất. Công ty cũng không ngừng cải thiện chính sách phúc lợi, đảm bảo quyền lợi của người lao động theo đúng quy định, đồng

thời quan tâm đến sức khỏe thể chất và tinh thần của cán bộ nhân viên.

Bên cạnh đó, HLO thúc đẩy văn hóa làm việc gắn kết, khuyến khích tinh thần hợp tác và sáng tạo, giúp mỗi cá nhân phát triển toàn diện và đóng góp tích cực vào sự thành công chung của Công ty. Với chiến lược nhân sự bài bản và cam kết phát triển bền vững, HLO không chỉ đảm bảo sự ổn định nội bộ mà còn tạo động lực mạnh mẽ để toàn thể nhân viên cùng nhau hướng tới mục tiêu chung, xây dựng một doanh nghiệp ngày càng vững mạnh.

HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tại HLO, đào tạo và phát triển nhân sự là một trong những ưu tiên hàng đầu, được triển khai xuyên suốt nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đảm bảo sự thích nghi nhanh chóng với môi trường làm việc.

Công ty tổ chức đào tạo bài bản cho nhân viên mới, giúp họ nắm bắt quy trình vận hành và hòa nhập nhanh với văn hóa doanh nghiệp. Bên cạnh đó, HLO cũng chú trọng đến đào tạo chuyên sâu, tập trung nâng cao kỹ năng vận hành máy móc, nghiệp vụ sản xuất, kinh doanh và quản lý. Chương trình này không chỉ giúp nhân sự có định hướng rõ ràng mà còn mở ra cơ hội phát triển và thăng tiến trong sự nghiệp.

Ngoài các khóa đào tạo nội bộ, HLO còn trích quỹ hỗ trợ nhân viên tham gia các khóa học bên ngoài, giúp mở rộng kiến thức và kỹ năng chuyên môn. Việc đầu tư vào đào tạo không chỉ nâng cao hiệu suất làm việc mà còn giúp nhân sự trở nên đa năng, linh hoạt, sẵn sàng thích ứng với những thay đổi trong ngành.

Với chiến lược đào tạo bài bản và toàn diện, HLO cam kết xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng cao, góp phần nâng cao vị thế cạnh tranh của Công ty và thúc đẩy sự phát triển bền vững trong tương lai.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

HLO luôn ý thức rằng phát triển bền vững không chỉ nằm ở tăng trưởng kinh doanh, mà còn gắn liền với sự phát triển của cộng đồng. Với tinh thần trách nhiệm xã hội, HLO tích cực tham gia vào các hoạt động thiện nguyện, hỗ trợ các chương trình vì cộng đồng và giúp đỡ các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn.

Mỗi năm, Công ty trích một phần lợi nhuận đóng góp vào các Quỹ vì người nghèo, đồng thời tham gia các phong trào ý nghĩa như xây nhà tình nghĩa, chương trình Nụ cười Hy vọng, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân trong khu vực hoạt động.

HLO tin rằng, một doanh nghiệp không chỉ được đánh giá qua những thành tựu kinh doanh mà còn qua những giá trị mà họ đóng góp cho xã hội. Công ty cam kết tiếp tục đồng hành cùng cộng đồng, lan tỏa tinh thần sẻ chia và xây dựng môi trường sống ngày càng tốt đẹp hơn.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

Thị trường vốn xanh tại Việt Nam đang phát triển mạnh mẽ với sự hỗ trợ tích cực từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) nhằm thúc đẩy tài chính bền vững, giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và xã hội. Việc mở rộng và hoàn thiện thị trường vốn xanh không chỉ tạo ra cơ hội cho doanh nghiệp tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi, mà còn góp phần vào sự phát triển bền vững của nền kinh tế.

Nhận thức được tầm quan trọng của xu hướng này, HLO luôn theo sát các chính sách, quy định từ UBCKNN và chủ động cập nhật những tiêu chuẩn quốc tế về tài chính bền vững và ESG. Công ty cam kết thực hiện nghiêm túc các hướng dẫn từ cơ quan quản lý, đồng thời tích cực nghiên cứu và áp dụng các giải pháp tài chính xanh vào hoạt động sản xuất – kinh doanh.

HLO tin rằng, việc tham gia vào thị trường vốn xanh không chỉ giúp doanh nghiệp tiếp cận các cơ hội tài chính mới mà còn thể hiện trách nhiệm với môi trường và cộng đồng, góp phần xây dựng một nền kinh tế phát triển bền vững và minh bạch hơn.



3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

THUẬN LỢI

Cung cấp sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao

HLO chuyên cung cấp các thiết bị xi mạ được thiết kế theo yêu cầu, đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật khắt khe của khách hàng và đối tác trong nhiều ngành công nghiệp. Công ty không ngừng cải tiến sản phẩm, tối ưu hiệu suất thiết bị nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

Cải tiến công nghệ và trang thiết bị

HLO luôn chú trọng đầu tư và nâng cấp máy móc, công nghệ hiện đại, giúp tối ưu hóa quy trình sản xuất, nâng cao năng suất và chất lượng thiết bị. Nhờ đó, Công ty duy trì lợi thế cạnh tranh vượt trội, tạo ra các sản phẩm có độ chính xác cao, tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường.

Sự phối hợp hiệu quả giữa các bên liên quan

Sự đồng hành chặt chẽ giữa cổ đông, ban lãnh đạo và đội ngũ nhân sự giúp HLO vận hành hiệu quả, tối ưu hóa quy trình sản xuất và nhanh chóng thích ứng với biến động thị trường.

Chăm sóc khách hàng bền vững

HLO không chỉ tập trung vào phát triển sản phẩm mà còn đặc biệt chú trọng duy trì quan hệ với khách hàng lâu năm, đảm bảo nguồn cầu ổn định cho thiết bị xi mạ, đồng thời mở rộng thị trường với những khách hàng tiềm năng mới.

Vị trí kinh doanh chiến lược

Nhà xưởng và cơ sở sản xuất của HLO được đặt tại khu vực thuận lợi về giao thông và logistics, giúp tối ưu hóa quy trình vận chuyển, phân phối hàng hóa, tiết kiệm chi phí và đảm bảo tiến độ giao hàng đúng cam kết.

Xu hướng phát triển xanh mở ra cơ hội mới

Việc siết chặt các quy định bảo vệ môi trường không chỉ thách thức mà còn mang lại cơ hội cho HLO. Công ty đầu tư vào thiết bị sản xuất tiết kiệm năng lượng, công nghệ xử lý chất thải tiên tiến, đồng thời mở rộng danh mục sản phẩm, cung cấp thiết bị và giải pháp xử lý môi trường cho khách hàng trong ngành công nghiệp xi mạ.

Sự hỗ trợ từ chính sách kinh tế

Chính phủ tiếp tục ban hành các chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng và đầu tư hạ tầng, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong ngành công nghiệp phụ trợ mở rộng sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường nội địa và quốc tế.

Với những lợi thế cạnh tranh rõ ràng và xu hướng phát triển bền vững, HLO cam kết không ngừng đổi mới, giữ vững vị thế doanh nghiệp tiên phong trong lĩnh vực tư vấn, thiết kế và sản xuất thiết bị xi mạ.

KHÓ KHĂN

Ảnh hưởng từ tình hình kinh tế toàn cầu

Là doanh nghiệp hoạt động trong ngành công nghiệp phụ trợ, HLO chịu tác động trực tiếp từ tốc độ tăng trưởng kinh tế. Mặc dù nền kinh tế Việt Nam có dấu hiệu phục hồi, nhưng bất ổn địa chính trị, biến động thị trường tài chính vẫn tạo ra nhiều thách thức, ảnh hưởng đến nhu cầu khách hàng và chuỗi cung ứng.

Suy giảm đơn hàng, chi phí vận hành gia tăng

Trong bối cảnh nền kinh tế chưa hoàn toàn ổn định, đơn hàng từ khách hàng công nghiệp có thể bị sụt giảm, trong khi chi phí vận hành doanh nghiệp (nhân công, nguyên vật liệu, logistics) tiếp tục gia tăng. Điều này tạo áp lực lớn lên biên lợi nhuận, đòi hỏi HLO phải tối ưu hóa chi phí sản xuất để duy trì hiệu quả kinh doanh.

Biến động tỷ giá và chi phí nguyên vật liệu đầu vào

HLO phụ thuộc nhiều vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu, khiến chi phí sản xuất bị ảnh hưởng bởi biến động tỷ giá USD/VND và chi phí vận chuyển quốc tế. Sự thiếu ổn định này có thể làm gia tăng chi phí đầu vào, tạo thách thức trong việc kiểm soát giá

thành sản phẩm và duy trì tính cạnh tranh.

Mức độ cạnh tranh ngày càng cao

Số lượng doanh nghiệp tham gia vào ngành thiết kế và sản xuất thiết bị xi mạ ngày càng tăng, tạo ra áp lực cạnh tranh mạnh mẽ về giá cả, chất lượng và dịch vụ. Điều này buộc HLO phải liên tục đổi mới công nghệ, tối ưu hóa chi phí và nâng cao năng lực sản xuất để duy trì lợi thế cạnh tranh trên thị trường.

Yêu cầu về tiêu chuẩn môi trường ngày càng khắt khe

Các chính sách bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ngày càng siết chặt, đòi hỏi doanh nghiệp phải đầu tư vào công nghệ xử lý chất thải, vận hành sản xuất xanh và đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế. Mặc dù đây là cơ hội để nâng cao uy tín thương hiệu, nhưng cũng tạo ra thách thức lớn về chi phí và nguồn lực đầu tư, đòi hỏi HLO phải có chiến lược phát triển bền vững lâu dài.

Trước những thách thức này, HLO tiếp tục chủ động xây dựng kế hoạch kinh doanh linh hoạt, đẩy mạnh đổi mới công nghệ, tối ưu hóa chi phí và nâng cao chất lượng dịch vụ, nhằm duy trì vị thế dẫn đầu trong ngành thiết kế và sản xuất thiết bị xi mạ.

NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Mặc dù năm 2024 đối mặt với nhiều khó khăn và biến động, HLO vẫn kiên trì thực hiện các giải pháp nhằm cải thiện hiệu quả hoạt động kinh doanh, tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững trong tương lai.

Công ty đã đầu tư cải tiến hệ thống máy móc, nâng cấp công nghệ sản xuất, đảm bảo bắt kịp xu hướng hiện đại và đáp ứng các tiêu chí khắt khe từ khách hàng. Việc ứng dụng công nghệ tiên tiến không chỉ giúp tối ưu hóa quy trình sản xuất, giảm chi phí vận hành mà còn nâng cao chất lượng sản phẩm, gia tăng lợi thế cạnh tranh trên thị trường.

Bên cạnh đó, HLO đã triển khai chiến lược đa dạng hóa nguồn nguyên vật liệu, hạn chế sự phụ thuộc

vào một thị trường duy nhất nhằm đảm bảo nguồn cung ổn định về số lượng và giá cả trong bối cảnh chuỗi cung ứng toàn cầu vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro.

Công ty cũng tăng cường đào tạo và phát triển nhân lực, giúp đội ngũ cán bộ, công nhân viên nâng cao chuyên môn, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường. Nhờ những nỗ lực này, HLO tiếp tục khẳng định cam kết phát triển bền vững, đảm bảo khả năng thích ứng linh hoạt trước mọi biến động kinh tế, đồng thời hướng đến hiệu quả kinh doanh cao hơn trong những năm tới.



TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		TH 2024/ TH 2023
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	103.750	69,27%	115.425	65,99%	111,25%
Tài sản dài hạn	46.018	30,73%	59.500	34,01%	129,30%
Tổng tài sản	149.768	100,00%	174.925	100,00%	116,80%

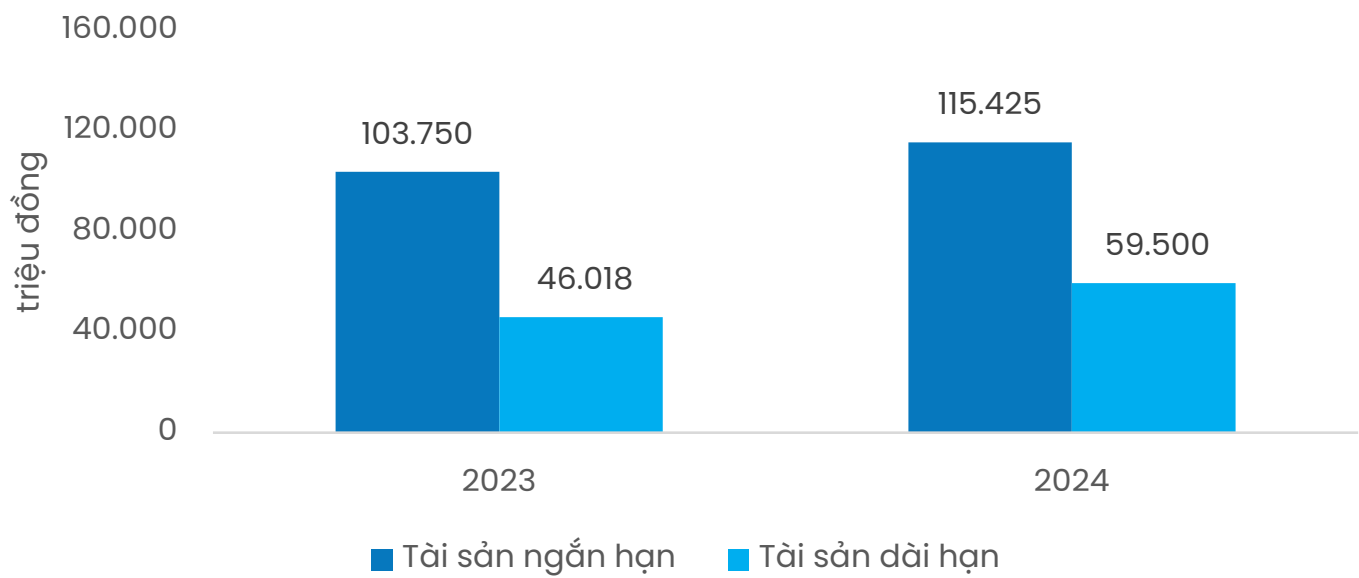
Trong năm 2024, tổng tài sản của HLO tăng 25.157 triệu đồng, tương ứng 16,80% so với năm 2023. Trong đó, tài sản ngắn hạn tăng 11.647 triệu đồng (tương ứng mức tăng 11,25%) so với cùng kỳ, chiếm 65,99% tổng tài sản, trong khi tài sản dài hạn tăng 13.483 triệu đồng (29,30%), nâng tỷ trọng lên 34,01%.

Tài sản ngắn hạn tiếp tục tăng về giá trị nhưng giảm nhẹ 3,29% trong cơ cấu tổng tài sản. Động lực tăng trưởng lớn nhất đến từ khoản đầu tư ngắn hạn, với tổng giá trị tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng đạt 24.000 triệu đồng, tăng 9.000 triệu đồng (tương ứng mức tăng 60,00%) so với năm 2023. HLO duy trì đầu tư tại các ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, TMCP Quân Đội Việt Nam và TMCP Kỹ Thương Việt Nam với lãi suất dao động từ 3,9% đến 4,9%/năm. Bên cạnh đó, các khoản phải thu cũng ghi nhận

mức tăng đáng kể 3.007 triệu đồng (tương ứng mức tăng 18,69%), chủ yếu do HLO kéo dài thời gian công nợ đối với khách hàng, khiến khoản phải thu từ khách hàng tăng 3.766 triệu đồng (tương ứng mức tăng 29,08%) so với cùng kỳ.

Tài sản dài hạn đạt 59.500 triệu đồng, tăng 13.483 triệu đồng so với năm trước, nhờ khoản đầu tư dài hạn vào Công ty Cổ phần Công nghiệp Tinh Công, đơn vị hoạt động trong lĩnh vực gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại. Khoản đầu tư này có giá trị 18.659 triệu đồng, tương ứng với 20% quyền sở hữu. Sự gia tăng tài sản dài hạn phản ánh chiến lược mở rộng danh mục đầu tư của HLO, nhằm tăng cường năng lực sản xuất và tìm kiếm cơ hội tăng trưởng bền vững trong tương lai.

Tình hình tài sản



TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Đơn vị tính: Triệu đồng

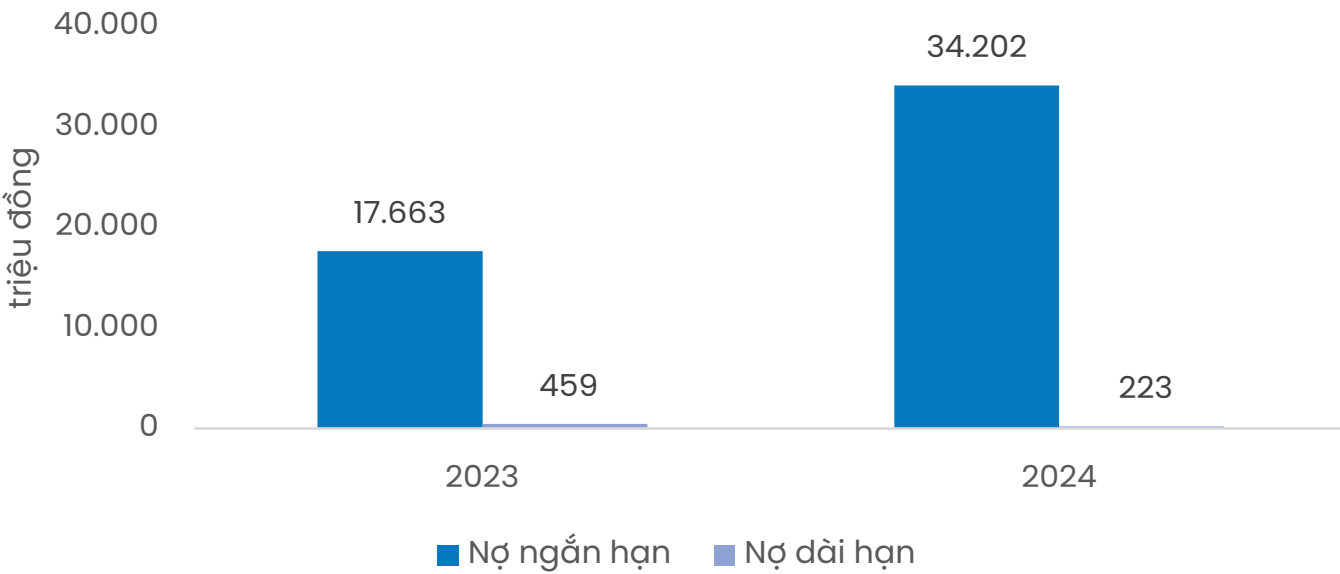
Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		TH 2024/ TH 2023
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	17.663	97,47%	34.202	99,35%	193,64%
Nợ dài hạn	459	2,53%	223	0,65%	48,58%
Tổng nợ phải trả	18.122	100,00%	34.425	100,00%	189,96%

Trong năm 2024, tổng nợ phải trả của HLO tăng 16.539 triệu đồng, tương đương 93,64% so với năm 2023. Trong đó, nợ ngắn hạn tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn với 99,35% tổng nợ, đạt 33.979 triệu đồng, tăng 16.776 triệu đồng (tương đương mức tăng 97,51%) so với cùng kỳ. Nguyên nhân chính đến từ việc HLO nhận được nhiều khoản tiền trả trước từ khách hàng, dẫn đến khoản mục người mua trả tiền trước tăng 10.449 triệu đồng (tương đương mức tăng 1.654,30%), chiếm 32,40% tổng nợ ngắn hạn, tăng mạnh 28,82 điểm phần trăm so với năm trước. Các khoản trả trước chủ yếu đến từ Công ty TNHH Fastrong Technologies Việt Nam với 5.490 triệu đồng, Công ty TNHH A

- Plus 1.966 triệu đồng và Công ty Cổ phần CX Technology (VN) 2.520 triệu đồng.

Bên cạnh đó, khoản phải trả người bán cũng tăng đáng kể 4.025 triệu đồng (tương đương mức tăng 36,65%) so với cùng kỳ, phản ánh sự gia tăng trong hoạt động mua nguyên vật liệu và dịch vụ phục vụ sản xuất. Trong khi đó, nợ dài hạn gần như không đáng kể, chỉ bao gồm các khoản dự phòng công nợ dài hạn. Việc duy trì tỷ lệ nợ dài hạn thấp giúp HLO hạn chế rủi ro tài chính và tập trung vào việc quản lý dòng tiền hiệu quả hơn.

Tình hình nợ phải trả





NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Hoàn thiện bộ máy tổ chức, sắp xếp và bố trí lao động, cán bộ quản lý một cách hợp lý, khoa học, đảm bảo phù hợp với nhu cầu phát triển của Công ty. Việc phân bổ nhân sự hiệu quả giúp nâng cao năng suất làm việc và tối ưu hóa nguồn lực.

Tái cơ cấu các bộ phận gián tiếp, điều chỉnh cách vận hành hợp lý hơn, tạo sự phối hợp hiệu quả giữa các phòng ban, giúp quy trình làm việc trơn tru, hạn chế chồng chéo, từ đó nâng cao hiệu suất chung.

Đẩy mạnh chương trình tập huấn và đào tạo, cập nhật kiến thức quản lý hiện đại cho đội ngũ quản lý, đồng thời bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho nhân viên nhằm nâng cao năng lực, đảm bảo đáp ứng tốt các yêu cầu công việc trong bối cảnh thị trường ngày càng cạnh tranh.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024	Năm 2025	
		Kế hoạch	% tăng giảm so với TH 2024
Doanh thu thuần	109.542	131.342	20%
Lợi nhuận sau thuế	8.723	13.134	50,57%
Tỷ lệ cổ tức	-	-	-

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- Mở rộng thị trường trong và ngoài nước, đặc biệt tập trung khai thác các khu vực công nghiệp đang phát triển và tìm kiếm cơ hội hợp tác quốc tế.
- Tiếp tục cải tiến chất lượng sản phẩm và dịch vụ, đảm bảo đáp ứng tiêu chuẩn ngày càng cao của khách hàng, nâng cao trải nghiệm dịch vụ.
- Tăng cường ứng dụng công nghệ số trong vận hành, tối ưu hóa quy trình sản xuất, quản lý và chăm sóc khách hàng nhằm gia tăng hiệu suất và giảm thiểu chi phí.
- Duy trì chính sách hỗ trợ khách hàng linh hoạt, phát triển các chương trình ưu đãi, chính sách giá phù hợp với điều kiện thực tế để giữ vững lợi thế cạnh tranh.
- Chủ động quản lý rủi ro, đặc biệt là rủi ro liên quan đến biến động kinh tế, tài chính và chuỗi cung ứng để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định.

HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

- Đẩy mạnh nghiên cứu các dòng sản phẩm mới, đáp ứng xu hướng công nghệ tiên tiến trong ngành xi mạ và sản xuất công nghiệp phụ trợ.
- Tập trung phát triển sản phẩm và quy trình sản xuất thân thiện với môi trường, tối ưu hóa tiêu thụ năng lượng và giảm thiểu khí thải, phù hợp với các tiêu chuẩn ESG và yêu cầu pháp lý ngày càng khắt khe.
- Hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, đặc biệt là các trung tâm nghiên cứu và trường đại học để đổi mới công nghệ và nâng cao năng lực sản xuất.

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

- Tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức, tinh gọn và nâng cao hiệu quả vận hành trong nội bộ Công ty.
- Đẩy mạnh chương trình đào tạo và phát triển nhân lực, đặc biệt là nâng cao kỹ năng quản lý, chuyên môn kỹ thuật và năng lực vận hành hệ thống tự động hóa.
- Cải thiện chính sách phúc lợi và môi trường làm việc, giúp thu hút và giữ chân nhân tài, đồng thời nâng cao tinh thần làm việc và sự gắn kết trong doanh nghiệp.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính năm 2024, do đó Ban Tổng Giám đốc không có giải trình bổ sung.





BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của bảo vệ môi trường, HLO luôn đặt mục tiêu kinh doanh gắn liền với phát triển bền vững, đảm bảo hài hòa giữa lợi ích kinh tế và trách nhiệm với cộng đồng.

Công ty tích cực nghiên cứu và ứng dụng các giải pháp giảm thiểu chất thải, tối ưu hóa quy trình sản xuất để hạn chế tác động tiêu cực đến môi trường. Đồng thời, HLO tiếp tục phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường, đáp ứng các tiêu chuẩn xanh và nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

Ngoài ra, Công ty tổ chức các buổi tuyên truyền thường niên nhằm nâng cao nhận thức về trách nhiệm bảo vệ môi trường cho toàn thể cán bộ, nhân viên. HLO khuyến khích thực hành tiết kiệm điện, nước không chỉ trong hoạt động sản xuất mà còn trong vận hành văn phòng, góp phần sử dụng tài nguyên hiệu quả hơn.

Với những nỗ lực này, HLO cam kết không ngừng đổi mới và cải tiến, hướng tới một doanh nghiệp sản xuất xanh, phát triển bền vững, đồng thời nâng cao giá trị thương hiệu và trách nhiệm với cộng đồng.



ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

HLO luôn chú trọng đến việc điều chỉnh và nâng cấp chính sách nhân sự, nhằm không ngừng nâng cao chất lượng và tinh thần làm việc của cán bộ, nhân viên. Công ty cam kết tạo ra một môi trường làm việc chuyên nghiệp, công bằng và đầy động lực, giúp nhân sự phát triển toàn diện và gắn bó lâu dài.

HLO triển khai các chương trình đào tạo bài bản, được thiết kế linh hoạt theo từng vị trí công việc và trình độ chuyên môn. Điều này giúp nhân viên dễ dàng tiếp cận với quy trình hoạt động, công nghệ sản xuất hiện đại và nâng cao năng lực làm việc, đảm bảo đáp

ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường.

Bên cạnh đó, Công ty tổ chức các buổi khen thưởng, vinh danh những cá nhân có thành tích xuất sắc, nhằm tạo động lực cho đội ngũ nhân sự không ngừng nỗ lực và nâng cao hiệu suất làm việc. Chính sách khuyến khích nhân viên phát triển kỹ năng và đóng góp sáng tạo cũng được đẩy mạnh, giúp Công ty xây dựng một đội ngũ nhân lực chất lượng cao, góp phần vào sự phát triển bền vững và thành công lâu dài.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Với tinh thần trách nhiệm xã hội, HLO không chỉ tập trung vào phát triển kinh doanh mà còn luôn quan tâm đến sự phát triển của cộng đồng địa phương.

Công ty chung tay hỗ trợ các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em mồ côi và những đối tượng yếu thế trong xã hội bằng cách trích một phần lợi nhuận đóng góp vào các chương trình thiện nguyện. Những hoạt động này không chỉ mang lại giá trị

thiết thực mà còn thể hiện sự cam kết lâu dài của HLO trong việc xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn.

Thông qua các chương trình trách nhiệm xã hội, HLO không chỉ khẳng định vai trò của một doanh nghiệp phát triển bền vững, mà còn lan tỏa hình ảnh tích cực về một tổ chức luôn đồng hành cùng cộng đồng, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và thúc đẩy sự phát triển chung.





BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY, TRONG ĐÓ CÓ ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Về tình hình kinh doanh

Dựa trên kế hoạch kinh doanh và các mục tiêu phát triển được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Công ty chưa hoàn thành được các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận. Tuy nhiên, Ban lãnh đạo và các bộ phận đã thể hiện sự nỗ lực để duy trì hoạt động chung của Công ty vượt qua giai đoạn nhiều thách thức và mang về lợi nhuận cho Công ty.

Về công tác quản lý điều hành

Bộ máy sản xuất kinh doanh của Công ty được vận hành dựa trên các tiêu chuẩn và quy định quốc tế giúp cho doanh nghiệp bảo toàn vốn, mang về một phần lợi nhuận trong thời kỳ kinh tế biến động mạnh. Cơ cấu tổ chức và lực lượng lao động cũng được Hội đồng quản trị cải thiện trong năm qua.

Về công tác môi trường xã hội

Với mục tiêu phát triển bền vững, Công ty luôn đưa ra những chiến lược kinh doanh được xem xét kỹ lưỡng về những tác động đến môi trường và cộng đồng. HLO xây dựng một quy trình sản xuất thân thiện với môi trường, đảm bảo chất lượng từ nguồn nguyên liệu đầu vào và kiểm soát lượng chất thải phát sinh trong quá trình vận hành. Vì vậy, Công ty mang đến cho khách hàng các sản phẩm an toàn cho con người và môi trường cũng như giảm thiểu khí thải gây ô nhiễm, ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng xung quanh.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Trong năm 2024, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, đảm bảo hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty diễn ra ổn định và hiệu quả.

Tại các cuộc họp HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đều báo cáo đầy đủ tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất – kinh doanh, cập nhật tiến độ triển khai các Nghị quyết của HĐQT, đồng thời đề xuất các giải pháp chiến lược phù hợp với định hướng phát triển của Công ty. Nhờ sự chủ động trong công tác điều hành, Ban Tổng Giám đốc đã kịp thời giải quyết những khó khăn, thách thức, đảm bảo các hoạt động vận hành diễn ra liên tục, an toàn và đạt mục tiêu đã đề ra.

HĐQT ghi nhận và đánh giá cao nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc trong việc duy trì sự ổn định và tăng trưởng của Công ty trong bối cảnh thị trường nhiều biến động. Ban Tổng Giám đốc đã chủ động cập nhật thông tin vĩ mô, điều chỉnh chính sách kinh doanh linh hoạt, giúp Công ty thích ứng nhanh chóng với những thay đổi trong môi trường kinh tế và chính sách pháp luật.

Bên cạnh đó, HĐQT thực hiện giám sát chặt chẽ mọi hoạt động của Ban Tổng Giám đốc nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Với sự phối hợp hiệu quả giữa Ban Tổng Giám đốc và HĐQT, Công ty đã từng bước vượt qua thách thức và duy trì đà phát triển vững chắc trong năm 2024.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- **Hoàn thiện cơ cấu tổ chức và nhân sự:** Tiếp tục tinh gọn bộ máy quản lý, sắp xếp nhân sự một cách khoa học, nâng cao hiệu quả vận hành và tạo điều kiện cho đội ngũ nhân lực phát huy tối đa năng lực.
- **Nâng cao chất lượng sản phẩm và đổi mới công nghệ:** Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng công nghệ hiện đại, tiên tiến vào sản xuất, nhằm cải thiện chất lượng sản phẩm, tăng cường khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế.
- **Tối ưu hóa nguồn lực:** Tận dụng và quản lý hiệu quả nguồn lao động và nguồn vốn, đảm bảo hiệu suất cao, chi phí hợp lý để hoàn thành các kế hoạch kinh doanh đề ra, đồng thời duy trì sự ổn định và phát triển dài hạn.





5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HĐQT

Tính tại ngày 31/12/2024

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Lin Fu Lung	Chủ tịch HĐQT	28/04/2021	-
2	Ông Kỷ Minh Du	Thành viên HĐQT điều hành	24/06/2020	-
3	Bà Hà Lệ Phương	Thành viên HĐQT điều hành	24/06/2020	-
4	Bà Tôn Nữ Bảo Vy	Thành viên HĐQT không điều hành	24/06/2020	-
5	Bà Tsai, Ya-Hui	Thành viên HĐQT không điều hành	24/06/2020	11/01/2024
6	Lee, Chien-Ta	Thành viên HĐQT không điều hành	24/06/2020	-
7	Ông Nguyễn Thành Lanh	Thành viên HĐQT không điều hành	28/04/2021	-
8	Bà Chi Tsui Ling	Thành viên HĐQT không điều hành	28/04/2021	-
9	Ông Chao Leng Tso	Thành viên HĐQT không điều hành	28/04/2021	-
10	Ông Chi, Wei-Shiu	Thành viên HĐQT không điều hành	24/06/2020	-

Ông Lin Fu Lung – Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành: 0% vốn điều lệ.
- Số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Không
- Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Tổng Giám Đốc Công Ty TNHH Hưng Nhất.

Ông Kỷ Minh Du – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành: 44,61% vốn điều lệ.
- Số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Nhất.
- Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Không

Bà Hà Lệ Phương – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành: 3,01% vốn điều lệ.
- Số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Không
- Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Nhất.

Bà Tôn Nữ Bảo Vy – Thành viên Hội đồng quản trị

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành: 9,98% vốn điều lệ.
- Số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Không Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần XD Việt Nhất.

Ông TSAI YA HUI – Thành viên Hội đồng quản trị

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành: 12,5% vốn điều lệ.
- Số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Không
- Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Không

Ông LEE CHIEN TA – Thành viên Hội đồng quản trị

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành: 0,0013% vốn điều lệ.
- Số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Không có
- Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Giám đốc Công ty TNHH Good Point Investment

Ông NGUYỄN THÀNH LANH – Thành viên Hội đồng quản trị

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành: 0,88% vốn điều lệ.
- Số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Không
- Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Không

Bà CHI TSUI LING – Thành viên Hội đồng quản trị

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành: 4,1% vốn điều lệ.
- Số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Không
- Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Quản đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Nhất.

Ông CHAO LENG TSO – Thành viên Hội đồng quản trị

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành: 5% vốn điều lệ.
- Số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Không
- Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Giám Đốc nghiệp vụ Công ty TNHH Triệu Nhất.

Ông CHI WEI SHIU – Thành viên Hội đồng quản trị

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành: 7,74% vốn điều lệ.
- Số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Không
- Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Không

DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HĐQT TRONG NĂM 2024

Bà Tsai Ya-Hui

Không còn đảm nhiệm chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị

Lý do miễn nhiệm: cá nhân

Ngày bắt đầu có hiệu lực: 11/01/2024

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Công ty chưa thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm.

- Trong năm 2024, Hội đồng Quản trị HLO tiếp tục thực hiện chức năng giám sát chặt chẽ đối với Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong quá trình triển khai kế hoạch sản xuất – kinh doanh, thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) và Hội đồng Quản trị.
- Các giải pháp và chính sách quan trọng đều được Hội đồng Quản trị xem xét kỹ lưỡng, đảm bảo sự phù hợp với định hướng chiến lược của Công ty, đồng thời giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động vận hành. Nhờ đó, HLO duy trì được sự ổn định và tăng trưởng, đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của thị trường.
- Bên cạnh công tác giám sát hoạt động sản xuất – kinh doanh, Hội đồng Quản trị cũng theo dõi và đảm bảo việc công bố thông tin minh bạch, tuân thủ các quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán và pháp luật hiện hành. Tất cả thông tin quan trọng về hoạt động của Công ty được đăng tải đầy đủ trên website chính thức, hệ thống công bố thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán, giúp đảm bảo quyền lợi hợp pháp của nhà đầu tư và duy trì sự minh bạch trong quản trị doanh nghiệp.

Số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị.

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Lin Fu Lung	6	6/6	-
2	Ông Kỳ Minh Du	6	6/6	-
3	Bà Hà Lệ Phương	6	6/6	-
4	Bà Tôn Nữ Bảo Vy	6	6/6	-
5	Lee, Chien – Ta	5	5/6	Bận việc cá nhân
6	Ông Nguyễn Thành Lanh	6	6/6	-
7	Bà Chi Tsui Ling	6	6/6	-
8	Ông Chao Leng Tso	5	5/6	Bận việc cá nhân
9	Ông Chi Wei Shiu	6	6/6	-

Nội dung và kết quả của các cuộc họp:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01.1/2024/NQ-HĐQT	11/01/2024	Thông qua giao dịch với các bên có liên quan	100%
2	01.2/2024/NQ-HĐQT	11/01/2024	Thông qua miễn nhiệm chức danh thành viên hội đồng quản trị đối với bà Tsai Ya Hui	100%
3	02/2024/NQ-HĐQT	01/03/2024	Về việc chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024	100%
4	03/2024/NQ-HĐQT	29/03/2024	Thông qua tài liệu họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2024	100%
5	04/2024/NQ-HĐQT	10/06/2024	Thông qua việc đăng ký ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu đăng ký giao dịch của công ty CP Công nghệ Ha Lô	100%
6	05.1/2024/NQ-HĐQT	24/08/2024	Thông qua giao dịch với các bên có liên quan	100%
7	05.2/2024/NQ-HĐQT	24/08/2024	Về việc chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024	100%
8	05.3/2024/NQ-HĐQT	24/08/2024	Tăng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghiệp Tíng Công	100%
9	06/2024/NQ-HĐQT	23/11/2024	Thông qua giao dịch với các bên có liên quan	100%

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Công ty không có thành viên Hội đồng quản trị độc lập

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Công ty chưa thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Không có

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

Tính tại ngày 31/12/2024

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Lê Thị Lan Anh	Trưởng BKS	50	0,000625%
2	Bà Huỳnh Thị Phương Nam	Thành viên BKS	50	0,000625%
3	Bà Nguyễn Thị Ngọc Em	Thành viên BKS	50	0,000625%

Bà Lê Thị Lan Anh – Trưởng Ban kiểm soát

Số lượng cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết:

- Sở hữu cá nhân: 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625% vốn điều lệ
- Sở hữu của người liên quan: Không có

Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Không có

Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Không có

Bà Huỳnh Thị Phương Nam – Thành viên Ban kiểm soát

Số lượng cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết:

- Sở hữu cá nhân: 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625% vốn điều lệ
- Sở hữu của người liên quan:
- + Chống: Đào Duy Thiện 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625% vốn điều lệ

Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Không có

Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Không có

Bà Nguyễn Thị Ngọc Em – Thành viên Ban kiểm soát

Số lượng cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết:

- Sở hữu cá nhân: 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625% vốn điều lệ
- Sở hữu của người liên quan: Không có

Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Không có

Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Không có

DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BKS TRONG NĂM

Không có

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm

- Trong năm 2024, BKS Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô (HLO) đã thực hiện giám sát chặt chẽ các hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo tính minh bạch và tuân thủ các quy định pháp luật. BKS đã theo dõi sát sao quá trình tổ chức ĐHĐCĐ thường niên, giám sát công tác kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023, cũng như ĐHĐCĐ bất thường và công tác lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Đồng thời, BKS đã tiến hành kiểm tra tình hình kinh doanh, đánh giá mức độ tuân thủ Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định pháp luật hiện hành.
- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, BKS được mời tham dự các cuộc họp của HĐQT, qua đó đóng góp ý kiến và nâng cao hiệu quả giám sát hoạt động Công ty. Sự hợp tác chặt chẽ giữa HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và BKS giúp quá trình kiểm tra, giám sát diễn ra thuận lợi, với đầy đủ thông tin và tài liệu cần thiết được cung cấp kịp thời. Ngoài ra, các cuộc họp của BKS đều được thông báo trước cho HĐQT và Ban Tổng Giám đốc, tạo điều kiện thuận lợi trong việc chuẩn bị hồ sơ, chứng từ cũng như bố trí nhân sự tham gia.
- Nhờ sự phối hợp hiệu quả giữa các bên, BKS đã thực hiện tốt nhiệm vụ giám sát, góp phần đảm bảo Công ty hoạt động đúng định hướng, minh bạch và tuân thủ các quy định pháp luật. Trong thời gian tới, BKS sẽ tiếp tục duy trì và nâng cao công tác giám sát, hỗ trợ Công ty trong việc phát triển bền vững và bảo vệ quyền lợi của cổ đông.

Số lượng các cuộc họp Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Bà Lê Thị Lan Anh	2	2/2	100%	-
2	Bà Huỳnh Thị Phương Nam	2	2/2	100%	-
3	Bà Nguyễn Thị Ngọc Em	2	2/2	100%	-



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng thu nhập (đồng)
1	Ông Kỷ Minh Du	Tổng Giám đốc, Thành viên Hội đồng quản trị	663.692.00
2	Ông Chi Wei Shiu	Thành viên Hội đồng quản trị	194.357.847
3	Ông Nguyễn Thành Lanh	Thành viên Hội đồng quản trị	736.065.290
4	Ông Chang Chia Lin	Phó Tổng Giám đốc kinh doanh	533.450.000
5	Zhang Jian Jun	Phó Tổng Giám đốc	533.022.222

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
Kỷ Minh Du	Người nội bộ	3.567.190	44,59%	3.569.190	44,61%	Mua 2.000 cổ phiếu
Tôn Nữ Bảo Vy	Người nội bộ	800.000	10%	798.100	0,98%	Mua 1.900 cổ phiếu Bán 3.800 cổ phiếu
Trần Thị Mạnh Kha	Mẹ của Tôn Nữ Bảo Vy	50	0,00%	1.950	0,02%	Mua 1.900 cổ phiếu
Tôn Nữ Thảo Nguyên	Em của Tôn Nữ Bảo Vy	50	0,0006%	52	0,0006%	Mua 2 cổ phiếu
Lê Thị Hồng Thắm	Người nội bộ	80.000	1,00%	68.400	0,8550%	Bán 11.600 cổ phiếu
Hà Lệ Phương	Người nội bộ	238.010	2,98%	240.510	3,01%	Mua 100 cổ phiếu
Lee, Chien – Ta	Người nội bộ		0,00%	100	0,0013%	Mua 100 cổ phiếu
Chi Wei Shiu	Người nội bộ	620.000	7,75%	619.500	7,74%	Bán 500 cổ phiếu

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ.

Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch	Số NQ/QĐ thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
Công ty TNHH Hưng Nhất	Ông Lin Fu Lung là Tổng Giám Đốc	Số ĐKDN 3700811489, ngày cấp: 29/06/2007	Lô B3, Ô 6, 12, Đường N2, Khu công nghiệp Đất Cuốc, xã Đất Cuốc, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Năm 2024	Nghị quyết HĐQT số 01.1/2024/NQ-HĐQT ngày 11/01/2024	Bán hàng hóa dịch vụ: 3.123.423.250 đồng; Mua hàng hóa dịch vụ: 123.590.000 đồng
CTCP Công Nghiệp Việt Nhất	Ông Kỷ Minh Du là Chủ tịch HĐQT, cổ đông nắm giữ trên 10% CPCQBQ Bà Hà Lệ Phương là Giám Đốc Bà Lê Thị Lan Anh là Kế toán trưởng	Số ĐKDN 3700659499, ngày cấp: 26/08/2005, nơi cấp: Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương	Thửa đất 469, đường ĐT 747B, Tổ 6, khu phố Khánh Vân, phường Khánh Bình, Tp. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	Năm 2024	Nghị quyết HĐQT số 01.1/2024/NQ-HĐQT ngày 11/01/2024	Bán hàng hóa dịch vụ: 85.730.000 đồng; Mua hàng hóa dịch vụ: 36.209.728.670 đồng
Công ty TNHH Minh Chắt	Bà Tôn Nữ Bảo Vy nắm giữ trên 10% phần vốn góp	Số ĐKDN 0309262378, ngày cấp: 10/07/2009, nơi cấp: Sở KH&ĐT Tp.HCM	25 đường số 13, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, Tp.HCM	Năm 2024	Nghị quyết HĐQT số 01.1/2024/NQ-HĐQT ngày 11/01/2024	Bán hàng hóa dịch vụ: 1.817.051.000 đồng
Công ty TNHH Việt Nhất Sài Gòn	Bà Tôn Nữ Bảo Vy là Chủ tịch HĐQT, nắm giữ trên 10% phần vốn góp Bà Huỳnh Thị Nam Phương là Giám đốc	Số ĐKDN: 0312038111, ngày cấp: 05/11/2012 nơi cấp: Sở KH&ĐT Tp.HCM	48/5W Ấp Đông Lân 1, Xã Bà Điểm, Huyện Hóc Môn, Tp.HCM	Năm 2024	Nghị quyết HĐQT số 01.1/2024/NQ-HĐQT ngày 11/01/2024	Bán hàng hóa dịch vụ: 224.606.000 đồng

Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch	Số NQ/QĐ thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
Công ty TNHH Việt Nhất Hà Nội	Bà Lê Thị Hồng Thắm là Chủ tịch HĐQT, nắm giữ trên 10% phần vốn góp	Số ĐKDN: 0105981649, ngày cấp: 28/08/2012 nơi cấp: Sở KH&ĐT Tp.Hà Nội	Thửa đất số T194, Tờ bản đồ số, Lô đất M2, khu đấu giá 31ha, Thị trấn Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm, Tp.Hà Nội	Năm 2024	Nghị quyết HĐQT số 01.1/2024/NQ-HĐQT ngày 11/01/2024	Bán hàng hóa dịch vụ: 226.775.000 đồng
CTCP Môi trường Việt Nhất	Ông Kỷ Minh Du là Chủ tịch HĐQT	Số ĐKDN: 3702704411, ngày cấp: 24/09/2018, nơi cấp: Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương	Thửa đất số 1084, tờ bản đồ số 211, KĐC Việt Sing , Phường Thuận Giao, Tp.Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Năm 2024	Nghị quyết HĐQT số 01.1/2024/NQ-HĐQT ngày 11/01/2024	Bán hàng hóa dịch vụ: 104.923.000 đồng
Công ty TNHH Triệu Nhất	Bà Hà Lệ Phương là Chủ tịch HĐQT	Số ĐKDN: 3702203221, ngày cấp: 06/08/2013, nơi cấp: Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương	Thửa đất số 469, đường DT 747B, tổ 6, Khu phố Khánh Vân, Phường Khánh Bình, Tp. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	Năm 2024	Nghị quyết HĐQT số 01.1/2024/NQ-HĐQT ngày 11/01/2024	Mua hàng hóa dịch vụ: 64.440.000 đồng
Công ty TNHH Hóa Chất Nam Phương	Bà Lê Thị Hồng Thắm là Chủ tịch HĐQT	Số ĐKDN: 0312364186, ngày cấp: 10/07/2013 nơi cấp: Sở KH&ĐT Tp.HCM	140 Phan Anh, Phường Tân Thới Hoà, Quận Tân Phú, Tp.Chí Minh	Năm 2024	Nghị quyết HĐQT số 01.1/2024/NQ-HĐQT ngày 11/01/2024	Bán hàng hóa dịch vụ: 126.000.000 đồng
Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Tinh Công	Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô nắm giữ 20% cổ phần	Số ĐKDN: 3700426575, ngày cấp: 08/07/2002, nơi cấp: Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương	Lô 7, Đường số 2, Khu công ng- hiệp Tân Đông Hiệp A, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	Năm 2024	Nghị quyết HĐQT số 05.1/2024/NQ-HĐQT ngày 24/08/2024	Bán hàng hóa dịch vụ: 14.595.565.700 đồng

Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch	Số NQ/QĐ thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
Công ty TNHH Công nghiệp Kiến Đạt	Công ty con (100%) của Good Point Investment Co., Ltd – Công ty do Ông Lee, Chien-Ta là Giám đốc nắm giữ trên 10% vốn góp	Số ĐKDN: 3700426920, ngày cấp: 10/07/2022, nơi cấp: Sở KH&ĐT Tỉnh Đồng Nai	Lô C6, Đường số 7, KCN Long Bình, Phường Long Bình, Tp.Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Năm 2024	Nghị quyết HĐQT số 05.1/2024/NQ-HĐQT ngày 24/08/2024	Bán hàng hóa dịch vụ: 6.000.000 đồng
Công ty TNHH Kỹ Thuật và Xây dựng Đài Việt	Ông Kỷ Minh Du là nắm giữ trên 10% vốn góp	Số ĐKDN: 0314119662, ngày cấp: 18/11/2016 nơi cấp: Sở KH&ĐT Tp.HCM	Số 9 Đường Số 2, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11, Tp.HCM	Năm 2024	Nghị quyết HĐQT số 01.1/2024/NQ-HĐQT ngày 11/01/2024	Bán hàng hóa dịch vụ: 1.850.000 đồng.
Công ty TNHH Haola	Ông Kỷ Minh Du là Chủ tịch HĐQT	Số ĐKDN: 1101852700, ngày cấp: 07/06/2017, nơi cấp: Sở KH&ĐT Tỉnh Long An	Lô Q1 Đường số 7, KCN Hải Sơn mở rộng (GĐ 3+4), Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An	Năm 2024	Nghị quyết HĐQT số 01.1/2024/NQ-HĐQT ngày 11/01/2024	Bán hàng hóa dịch vụ: 610.000 đồng
Công ty TNHH S-Chem	Ông Kỷ Minh Du nắm giữ trên 10% vốn góp	Số ĐKDN: 1101978809, ngày cấp: 05/03/2021, nơi cấp: Sở KH&ĐT Tỉnh Long An	Lô LL9 đường số 2, Khu công nghiệp Xuyên Á, Xã Mỹ Hạnh Bắc, Huyện Đức Hoà, Tỉnh Long An,	Năm 2024	Nghị quyết HĐQT số 06/2024/NQ-HĐQT ngày 23/11/2024	Bán hàng hóa dịch vụ: 1.900.000 đồng

GAO DỊCH GIỮA NGƯỜI NỘI BỘ CÔNG TY, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VỚI CÔNG TY CON, CÔNG TY DO CÔNG TY NẴM QUYỀN KIỂM SOÁT

Không có

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô (HLO) luôn chú trọng vào việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp nhằm đảm bảo sự tuân thủ pháp luật và nâng cao hiệu quả hoạt động. Trong năm 2024, Công ty đã liên tục rà soát, cập nhật và bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát, đảm bảo phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.

Bên cạnh đó, Công ty cũng tăng cường điều chỉnh, bổ sung các quy trình đánh giá hoạt

động của HĐQT, xây dựng tiêu chí đánh giá rõ ràng nhằm nâng cao hiệu suất điều hành và quản trị. Việc áp dụng các thông lệ quản trị tốt nhất không chỉ giúp HLO vận hành hiệu quả hơn mà còn đảm bảo tính minh bạch, trách nhiệm và bền vững trong hoạt động kinh doanh.

Nhờ những nỗ lực này, HLO tiếp tục khẳng định cam kết phát triển theo hướng chuyên nghiệp, tuân thủ và tối ưu hóa quản trị doanh nghiệp, tạo nền tảng vững chắc cho sự tăng trưởng trong tương lai.



6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ HaLo tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Dặng Xuân Cảnh
Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0067-2023-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Đức Minh Tú
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
5423-2025-026-1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND				
TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		115.424.527.108	103.750.030.369
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	25.792.400.876	29.123.429.776
1. Tiền	111		8.792.400.876	5.123.429.776
2. Các khoản tương đương tiền	112		17.000.000.000	24.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	24.000.000.000	15.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		24.000.000.000	15.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.099.376.597	16.092.094.043
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	16.719.607.480	12.953.371.373
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	3.273.700.046	2.883.950.389
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	509.993.315	463.611.781
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(1.403.924.244)	(208.839.500)
IV. Hàng tồn kho	140	4.7	44.760.080.292	42.192.275.919
1. Hàng tồn kho	141		45.574.928.923	43.227.194.520
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(814.848.631)	(1.034.918.601)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.772.669.343	1.342.230.631
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	168.279.901	84.178.785
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.604.389.442	1.258.051.846
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		59.500.449.234	46.017.585.801
I. Tài sản cố định	220		31.135.359.267	31.902.719.506
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	30.744.562.681	31.542.179.587
Nguyên giá	222		49.823.579.436	47.522.866.803
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.079.016.755)	(15.980.687.216)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	390.796.586	360.539.919
Nguyên giá	228		686.050.000	558.050.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(295.253.414)	(197.510.081)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	14.904.120.098	-
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		18.659.400.000	-
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.755.279.902)	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		13.460.969.869	14.114.866.295
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	13.460.969.869	14.114.866.295
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		174.924.976.342	149.767.616.170

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		34.201.771.151	17.662.894.278
I. Nợ ngắn hạn	310		33.979.090.689	17.203.519.278
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	15.006.293.716	10.981.288.769
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	11.080.362.263	631.612.007
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	2.263.033.102	1.042.311.708
4. Phải trả người lao động	314		2.767.701.746	2.226.528.819
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.14	698.102.153	289.525.841
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		120.021.451	13.255.436
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		24.680.000	-
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.15	2.018.896.258	2.018.996.698
II. Nợ dài hạn	330		222.680.462	459.375.000
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342	4.15	222.680.462	459.375.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		140.723.205.191	132.104.721.892
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.16	140.723.205.191	132.104.721.892
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.000.000.000	4.000.000.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		56.723.205.191	48.104.721.892
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		48.104.721.892	42.674.110.233
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.618.483.299	5.430.611.659
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		174.924.976.342	149.767.616.170



Phê duyệt

Người lập

[Signature]

Kỳ Minh Du
Tổng Giám đốc

Lê Thị Hồng Thắm
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 19 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	109.478.582.895	100.808.640.050
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		26.712.000	238.188.670
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		109.451.870.895	100.570.451.380
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	82.661.474.325	83.988.433.310
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.790.396.570	16.582.018.070
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	1.182.668.284	1.913.146.884
7. Chi phí tài chính	22	5.4	3.990.977.791	111.418.599
Trong đó, chi phí lãi vay	23		-	108.615
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	7.724.200.843	7.271.402.127
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	7.353.485.839	5.441.481.285
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.904.400.361	5.670.862.943
11. Thu nhập khác	31	5.7	2.077.571.913	810.691.527
12. Chi phí khác	32		48.224.538	24.401.540
13. Lợi nhuận khác	40		2.029.347.375	786.289.987
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.933.747.736	6.457.152.930
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	2.210.586.502	1.026.541.271
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.723.161.234	5.430.611.659
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.16.4	1.077	679
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.16.5	1.077	679



Phê duyệt

Người lập

[Signature]

Kỳ Minh Du
Tổng Giám đốc

Lê Thị Hồng Thắm
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 19 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		10.933.747.736	6.457.152.930
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.8	3.196.072.872	3.213.213.073
Các khoản dự phòng	03		4.493.499.698	(2.115.635.490)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		161.544.805	83.362.904
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.076.007.578)	(1.795.840.889)
Chi phí lãi vay	06		-	108.615
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		17.708.857.533	5.842.361.143
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(4.553.847.360)	6.075.579.106
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.451.434.613)	23.419.104.118
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		13.245.576.255	(19.186.967.119)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		569.795.310	120.876.220
Tiền lãi vay đã trả	14		-	(108.615)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.13	(1.026.541.271)	(4.500.307.482)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		23.492.405.854	11.770.537.371
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(279.368.062)	(1.275.337.357)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	100.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(9.000.000.000)	(28.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	16.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(18.659.400.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.081.150.044	1.410.619.670
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(26.857.618.018)	(11.764.717.687)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	147.421.677	4.968.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(122.741.677)	(4.968.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		24.680.000	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20+30+40)	50		(3.340.532.164)	5.819.684
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		29.123.429.776	29.116.224.414
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		9.503.264	1.385.678
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50+60+61)	70	4.1	25.792.400.876	29.123.429.776



Phê duyệt

Người lập

[Signature]

Kỳ Minh Du
Tổng Giám đốc

Lê Thị Hồng Thắm
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 19 tháng 3 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lo (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702308640 ngày 16 tháng 10 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 24 tháng 4 năm 2023 để cập nhật lại thông tin địa chỉ trụ sở chính.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 80.000.000.000 VND.

Công ty chính thức được chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 635/QĐ-SGDHN ngày 04 tháng 8 năm 2024 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày 24 tháng 6 năm 2024, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch cổ phiếu trên thị trường đăng ký giao dịch (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán HLO, theo Thông báo số 2900/TB-SGDHN ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 84 (31/12/2023: 75).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại, dịch vụ xây lắp.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn hóa chất, xử lý bề mặt kim loại, nguyên liệu nhựa công nghiệp, máy móc thiết bị xi mạ, phụ tùng máy móc thiết bị, phụ kiện ngành công nghiệp;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic, sản xuất - chế tạo máy móc, thiết bị ngành công nghệ, hệ thống lọc nước, hệ thống khí thải, hệ thống xử lý nước thải;
- Tư vấn và quản lý kỹ thuật xi mạ, chuyển giao công nghệ kỹ thuật xi mạ;
- Sản xuất các sản phẩm móc treo bằng sắt, thép, đồng, inox và kim loại; và
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	
			Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
Công ty CP Công nghiệp Tinh Công	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	Lô 7, Đường số 2, KCN Tân Đông Hiệp A, phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam	20%	0%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký Chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.4. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng tổn thất được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 48 năm
▪ Máy móc thiết bị	05 – 15 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 20 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 10 năm
▪ Cây lâu năm	08 năm
▪ Tài sản cố định khác	06 – 25 năm

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình**Phần mềm máy vi tính**

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 – 05 năm.

3.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm, tiền thuê đất trả trước,... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.10. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.11. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.12. Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng phải trả được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng phải trả không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng phải trả được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

3.13. Nguồn vốn chủ sở hữu**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

3.14. Doanh thu, thu nhập khác**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, lỗ tỷ giá hối đoái.

3.18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp, chi phí công tác; khấu hao TSCĐ; chi phí hoa hồng bán hàng; bảo hành sản phẩm, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại,...); chi phí bằng tiền khác...

3.19. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Hàng hóa hóa chất: 10%;
- Dịch vụ sửa chữa: 8%, 10%;
- Thành phẩm: 8%, 10%.

Riêng năm 2024, theo Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 110/2023/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa và dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2024 và theo Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 142/2024/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2024, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa và dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.22. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.23. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

3.24. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc và các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tiền mặt	164.849.140	78.322.351
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.627.551.736	5.045.107.425
Các khoản tương đương tiền (*)	17.000.000.000	24.000.000.000
Cộng	25.792.400.876	29.123.429.776

(*) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc dưới 03 tháng với lãi suất từ 4,2% đến 4,6%/năm.

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 06 tháng được chi tiết như sau :

- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương:
Giá trị: 7.000.000.000 VND
Thời gian: Từ 31/07/2024 – 31/01/2025
Kỳ hạn: 06 tháng
Lãi suất: 4,1%/năm
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh:
Giá trị: 5.000.000.000 VND
Thời gian: Từ 29/08/2024 – 28/02/2025
Kỳ hạn: 06 tháng
Lãi suất: 4,9%
Giá trị: 2.000.000.000 VND
Thời gian: Từ 15/10/2024 – 15/04/2025
Kỳ hạn: 06 tháng
Lãi suất: 4,7%
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương:
Giá trị: 10.000.000.000 VND
Thời gian: Từ 05/07/2024 – 05/01/2025
Kỳ hạn: 06 tháng
Lãi suất: 3,9%/năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên kết:				
Công ty CP Công nghiệp Tinh Công	18.659.400.000	(*)	(3.755.279.902)	-

Đầu tư vào công ty liên kết là khoản đầu tư chiếm 20% quyền sở hữu Công ty Cổ phần Công nghiệp Tinh Công, một công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với hoạt động chính là gia công cơ khí, xử lý và trang phủ kim loại.

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	Năm 2024 VND
Số đầu năm	
Trích lập trong năm	(3.755.279.902)
Hoàn nhập trong năm	
Số cuối năm	(3.755.279.902)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	2.086.462.135	1.451.424.320
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty TNHH Quốc tế All Glory	4.286.905.725	4.354.074.598
Công ty TNHH Quốc tế A-Stainless (Vietnam)	2.755.103.400	-
Công ty Cổ phần CX Technology (VN)	2.106.241.000	-
Các khách hàng khác (*)	5.484.895.220	7.147.872.455
Cộng	16.719.607.480	12.953.371.373

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	2.744.280.000	2.744.280.000
Các nhà cung cấp khác (*)	529.420.046	139.670.389
Cộng	3.273.700.046	2.883.950.389

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, trả trước các nhà cung cấp khác có số dư mỗi khoản trả trước dưới 10% tổng số trả trước cho người bán ngắn hạn.

4.5. Phải thu khác ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi tiền gửi dự thu	443.849.315	-	448.991.781	-
Tạm ứng	66.144.000	-	14.620.000	-
Cộng	509.993.315	-	463.611.781	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	4.470.995.225	3.067.070.981	218.839.500	10.000.000
Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu quá hạn là thấp vì các công nợ đã quá hạn từ trên 6 tháng mà Công ty vẫn chưa thu được nợ.				
Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:				
	Tại ngày 31/12/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Quốc tế All Glory	4.286.905.725	3.007.395.981	-	-
Công ty TNHH Sản xuất TM Ngõ Kim Thanh Phong	85.250.000	59.675.000	-	-
Công ty TNHH J.C.L Manufacturing Inc.	98.839.500	-	218.839.500	Từ trên 02 đến 03 năm
Cộng	4.470.995.225	3.067.070.981	218.839.500	10.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	27.358.596.859	(702.365.899)	24.594.826.031	(702.876.735)
Công cụ, dụng cụ	1.059.659.678	(15.103.258)	827.423.659	(2.953.627)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.902.241.470	-	14.958.312.466	(256.694.078)
Thành phẩm	5.001.198.037	(87.247.377)	2.459.961.881	(72.394.161)
Hàng hóa	253.232.879	(10.132.097)	396.670.483	-
Cộng	45.574.928.923	(814.848.631)	43.227.194.520	(1.034.918.601)

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm là 814.848.631 VND.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.8. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Ngắn hạn:		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	28.467.162	23.132.299
Chi phí mua bảo hiểm	50.776.106	47.606.478
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	89.036.633	13.440.008
Cộng	168.279.901	84.178.785
Dài hạn:		
Chi phí thuê đất	12.877.162.056	13.187.549.388
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	329.761.043	551.428.385
Bản quyền phần mềm	254.046.770	375.888.522
Cộng	13.460.969.869	14.114.866.295

*(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng VND
Nguyên giá:							
Tại ngày 01/01/2024	19.469.432.832	17.177.963.329	6.364.688.279	919.156.000	1.100.000.000	2.491.626.363	47.522.866.803
Mua trong năm	-	2.100.812.423	-	62.200.000	-	34.000.000	2.197.012.423
Đầu tư XDCB hoàn thành	46.847.399	-	-	-	-	56.852.811	103.700.210
Tại ngày 31/12/2024	19.516.280.231	19.278.775.752	6.364.688.279	981.356.000	1.100.000.000	2.582.479.174	49.823.579.436
Giá trị hao mòn lũy kế:							
Tại ngày 01/01/2024	3.819.015.288	7.372.203.475	2.056.322.785	608.400.891	973.958.305	1.150.786.472	15.980.687.216
Khấu hao trong năm	567.205.449	1.452.192.926	606.226.752	86.219.999	126.041.695	260.442.718	3.098.329.539
Tại ngày 31/12/2024	4.386.220.737	8.824.396.401	2.662.549.537	694.620.890	1.100.000.000	1.411.229.190	19.079.016.755
Giá trị còn lại:							
Tại ngày 01/01/2024	15.650.417.544	9.805.759.854	4.308.365.494	310.755.109	126.041.695	1.340.839.891	31.542.179.587
Tại ngày 31/12/2024	15.130.059.494	10.454.379.351	3.702.138.742	286.735.110	-	1.171.249.984	30.744.562.681

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.898.122.453 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phản mềm quản lý VND
Nguyên giá:	
Tại ngày 01/01/2024	558.050.000
Mua trong năm	128.000.000
Tại ngày 31/12/2024	686.050.000
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Tại ngày 01/01/2024	197.510.081
Khấu hao trong năm	97.743.333
Tại ngày 31/12/2024	295.253.414
Giá trị còn lại:	
Tại ngày 01/01/2024	360.539.919
Tại ngày 31/12/2024	390.796.586

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 80.000.000 VND.

4.11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm Mục 8	4.135.551.694	4.135.551.694	3.090.523.950	3.090.523.950
Phải trả cho người bán:				
Easy Good Limited	7.303.071.905	7.303.071.905	5.487.900.477	5.487.900.477
Lucky Twins Limited	1.888.898.557	1.888.898.557	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác (*)	1.678.771.560	1.678.771.560	2.402.864.342	2.402.864.342
Cộng	15.006.293.716	15.006.293.716	10.981.288.769	10.981.288.769

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, phải trả cho các đối tượng khác có số dư mỗi đối tượng nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12. Người mua trả trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	-	53.500.000
Người mua trả tiền trước:		
Công ty TNHH Fastrong Technologies Việt Nam	5.490.000.000	-
Công ty TNHH A - Plus	1.965.589.000	-
Công ty Cổ phần CX Technology (VN)	2.520.000.000	60.643.420
Các khách hàng khác	1.104.773.263	517.468.587
Cộng	11.080.362.263	631.612.007

4.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Khoản mục	Tại ngày 31/12/2024 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Thuế GTGT	-	1.508.228.840	1.508.228.840	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	93.476.139	93.476.139	-
Thuế TNDN	2.210.586.502	2.210.586.502	1.026.541.271	1.026.541.271
Thuế thu nhập cá nhân	48.029.425	380.209.867	347.950.879	15.770.437
Các khoản thuế, lệ phí khác	4.417.175	28.107.495	23.690.320	-
Cộng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.263.033.102	4.220.608.843	2.999.887.449	1.042.311.708

4.14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Chi phí hoa hồng bán hàng phải trả	515.892.510	191.341.391
Chi phí phải trả khác	182.209.643	98.184.450
Cộng	698.102.153	289.525.841

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.15. Dự phòng phải trả

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Ngắn hạn:		
Dự phòng bảo hành công trình xây lắp	2.018.896.258	2.018.996.698
Dài hạn:		
Dự phòng bảo hành công trình xây lắp	222.680.462	459.375.000

4.16. Vốn chủ sở hữu

4.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2023	80.000.000.000	4.000.000.000	42.674.110.233	126.674.110.233
Lãi trong năm trước	-	-	5.430.611.659	5.430.611.659
Tại ngày 01/01/2024	80.000.000.000	4.000.000.000	48.104.721.892	132.104.721.892
Lãi trong năm nay	-	-	8.723.161.234	8.723.161.234
Trích thủ lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	(104.677.935)	(104.677.935)
Tại ngày 31/12/2024	80.000.000.000	4.000.000.000	56.723.205.191	140.723.205.191

4.16.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Nhà đầu tư	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Ông Kỳ Minh Du	35.691.900.000	44,61%	35.671.900.000	44,59%
Bà Tsai Ya Hui	10.000.000.000	12,50%	10.000.000.000	12,50%
Bà Tôn Nữ Bảo Vy	7.981.000.000	9,98%	8.000.000.000	10,00%
Just Successful Inc	8.000.000.000	10,00%	8.000.000.000	10,00%
Ông Chi Wei Shiu	6.195.000.000	7,74%	6.200.000.000	7,75%
Ông Chao Leng Tso	4.000.000.000	5,00%	4.000.000.000	5,00%
Cổ đông khác	8.132.100.000	10,17%	8.128.100.000	10,16%
Cộng	80.000.000.000	100%	80.000.000.000	100%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.16.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	8.000.000	8.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.16.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	8.723.161.234	5.430.611.659
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(104.677.935)	-
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.618.483.299	5.430.611.659
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	8.000.000	8.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.077	679

4.16.5. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	8.723.161.234	5.430.611.659
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(104.677.935)	-
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	8.618.483.299	5.430.611.659
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	8.000.000	8.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.077	679

4.17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
Ngoại tệ: USD	45.194,81	11.011,63

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng hóa	48.919.647.933	44.044.242.800
Doanh thu lắp đặt hệ thống xi mạ và thiết bị đi kèm	50.428.377.958	49.689.859.549
Doanh thu bán thành phẩm	10.130.557.004	7.074.537.701
Cộng	109.478.582.895	100.808.640.050

Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan - Xem thêm Mục 8

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	38.524.480.982	35.020.975.817
Giá vốn lắp đặt hệ thống và thiết bị đi kèm	36.037.037.476	45.459.677.102
Giá vốn của thành phẩm đã bán	6.301.129.579	4.623.989.974
Hoàn nhập giảm giá hàng tồn kho	(220.069.970)	(1.116.209.583)
Chi phí bảo hành công trình xây lắp	2.018.896.258	-
Cộng	82.661.474.325	83.988.433.310

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.076.007.578	1.788.137.478
Lãi chênh lệch tỷ giá	106.660.686	125.009.406
Cộng	1.182.668.264	1.913.146.884

(Xem trang tiếp theo)



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	3.755.279.902	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	74.153.084	27.947.080
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	161.544.805	83.362.904
Lãi tiền vay	-	108.615
Cộng	3.990.977.791	111.418.599

5.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	3.334.697.279	3.206.930.369
Chi phí vật liệu, bao bì	128.445.390	135.211.896
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	12.465.047	22.268.046
Chi phí khấu hao TSCĐ	559.415.521	501.090.992
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.601.494.060	3.077.133.160
Chi phí bằng tiền khác	87.683.546	328.767.664
Cộng	7.724.200.843	7.271.402.127

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.507.536.262	2.900.316.856
Chi phí vật liệu quản lý	20.908.822	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	334.323.737	337.061.053
Chi phí khấu hao TSCĐ	442.046.779	380.280.893
Thuế, phí và lệ phí	28.382.877	42.321.745
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.195.084.744	33.586.800
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.762.978.512	1.557.382.601
Chi phí bằng tiền khác	62.224.106	190.531.337
Cộng	7.353.485.839	5.441.481.285

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.7. Thu nhập khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền lãi trả chậm	114.208.710	-
Thu nhập bảo hành	1.923.338.114	711.108.048
Thu nhập khác	40.025.089	99.583.479
Cộng	2.077.571.913	810.691.527

5.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí hàng thương mại	38.488.793.285	35.020.235.685
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.139.735.202	15.714.160.067
Chi phí nhân công	18.503.910.778	15.653.246.263
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.196.072.872	3.213.213.073
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.245.246.452	5.763.698.156
Chi phí khác bằng tiền	4.650.567.578	466.226.760
Cộng	97.224.326.167	75.830.780.004

5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	10.933.747.736	6.457.152.930
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	128.688.039	61.172.882
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(9.503.264)	(1.385.619.458)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	11.052.932.511	5.132.706.354
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm	2.210.586.502	1.026.541.271

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế TNDN như lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, các chi phí không có hóa đơn chứng từ hợp lệ...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	147.421.677	4.968.000

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(122.741.677)	(4.968.000)

7. BẢO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, lắp đặt thiết bị dây chuyền xi mạ và kinh doanh hóa chất xử lý bề mặt kim loại. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không trình bày thông tin theo bộ phận.

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

1. Ông Kỳ Minh Du	Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT, cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
2. Công ty Cổ phần Công nghiệp Tinh Công	Công ty liên kết
3. Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Nhất	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
4. Công ty TNHH SX Thương mại Minh Chất	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
5. Công ty TNHH Việt Nhất Sài Gòn	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
6. Công ty TNHH Việt Nhất Hà Nội	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
7. Công ty Cổ phần Môi trường Việt Nhất	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
8. Công ty TNHH Triệu Nhất	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
9. Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng Đài Việt	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
10. Công ty TNHH Hưng Nhất	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
11. Công ty TNHH Haola	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
12. Công ty TNHH Công nghiệp Kiến Đạt	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
13. Công ty TNHH S-Chem	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
14. Công ty TNHH Hóa chất Nam Phương	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
15. Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát	Nhân sự quản lý chủ chốt

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Phải thu thương mại:		
Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Nhất	-	2.391.640
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Minh Chất	593.382.320	185.858.060
Công ty Cổ phần Môi trường Việt Nhất	14.171.760	-
Công ty TNHH Hưng Nhất	675.352.535	1.260.974.680
Công ty Cổ phần Công nghiệp Tinh Công	803.555.520	-
Công ty TNHH Công nghiệp Kiến Đạt	-	2.200.000
Cộng - Xem thêm Mục 4.3	2.086.462.135	1.451.424.320

Trả trước cho người bán:

Công ty Cổ phần Môi trường Việt Nhất	1.524.600.000	1.524.600.000
Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng Đài Việt	1.219.680.000	1.219.680.000
Cộng - Xem thêm Mục 4.4	2.744.280.000	2.744.280.000

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Phải trả thương mại:		
Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Nhất	(4.102.991.694)	(3.081.257.550)
Công ty TNHH Triệu Nhất	(32.560.000)	-
Công ty TNHH Hưng Nhất	-	(9.266.400)
Cộng - Xem thêm Mục 4.11	(4.135.551.694)	(3.090.523.950)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Nhất	85.730.000	43.972.000
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Minh Chất	1.817.051.000	5.328.121.000
Công ty TNHH Việt Nhất Sài Gòn	224.606.000	15.000.000
Công ty TNHH Việt Nhất Hà Nội	226.775.000	282.168.000
Công ty Cổ phần Môi trường Việt Nhất	104.923.000	580.066.000
Công ty TNHH Triệu Nhất	-	1.728.000
Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng Đài Việt	1.850.000	-
Công ty TNHH Hưng Nhất	3.123.423.250	5.717.224.000
Công ty TNHH Haola	610.000	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Tinh Công	14.595.565.700	-
Công ty TNHH Công nghiệp Kiến Đạt	6.000.000	-
Công ty TNHH S-Chem	1.900.000	-
Công ty TNHH Hóa chất Nam Phương	126.000.000	-
Cộng - Xem thêm Mục 5.1	20.314.433.950	11.968.279.000

Thu tiền lãi chậm thanh toán:

Công ty Cổ phần Công nghiệp Tinh Công	114.208.710	-
	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND

Mua hàng và dịch vụ:

Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Việt Nhất	36.209.728.670	33.804.440.144
Công ty TNHH Triệu Nhất	64.440.000	12.920.000
Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng Đài Việt	-	541.330.390
Công ty TNHH Hưng Nhất	123.590.000	33.925.000
Cộng	36.397.758.670	34.392.615.534

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thu nhập, thù lao của các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Kỳ Minh Du	Thành viên HĐQT kiêm TGD	663.692.000	645.000.000
Chi Wei Shiu	Thành viên HĐQT	194.357.847	313.965.565
Nguyễn Thành Lanh	Thành viên HĐQT	736.065.290	653.867.693
Chang Chia Lin	Phó Tổng giám đốc	533.450.000	466.930.000
Zhang Jian Jun	Phó Tổng giám đốc	533.022.222	446.549.667
Cộng		2.660.587.359	2.526.312.925

Trong năm 2024, Công ty không chi trả thù lao cho Ban kiểm soát.

9. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Hợp đồng thuê có kỳ hạn đến ngày 08/5/2066, với tiền thuê cố định mỗi kỳ:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	310.387.332	310.387.332

10. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể có các rủi ro tài chính như sau:

- Rủi ro tín dụng: Là khả năng mà khách nợ sẽ không hoàn trả toàn bộ hoặc một phần các khoản vay, hoặc sẽ không hoàn trả đúng hạn và do đó sẽ đưa đến một khoản lỗ cho Công ty.
- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro mà Công ty có thể không có hoặc không có khả năng có tiền khi cần và do đó sẽ gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ có liên quan đến các khoản công nợ tài chính.
- Rủi ro thị trường: Là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ biến động về mặt giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai do những biến động về giá cả trên thị trường. Về cơ bản, Công ty có thể có các rủi ro thị trường sau:
 - Rủi ro lãi suất
 - Rủi ro tiền tệ
 - Rủi ro về giá các khoản đầu tư chứng khoán vốn

Để quản lý một cách có hiệu quả các rủi ro trên, Hội đồng quản trị (HĐQT) của Công ty đã phê duyệt những chiến lược cụ thể để quản lý những rủi ro này phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty. Những chiến lược này đưa ra những hướng dẫn đối với mục tiêu ngắn hạn và dài hạn và những hành động sẽ được thực hiện để quản lý những rủi ro tài chính của Công ty. Những hướng dẫn chủ yếu bao gồm:

- Tối thiểu hóa các rủi ro về giá, rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất đối với tất cả các giao dịch;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện và giám sát ở mức độ tập trung;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện trên cơ sở nhất quán, thận trọng và theo những thông lệ thị trường tốt nhất;
- Công ty có thể đầu tư cổ phiếu và các công cụ tương tự chỉ trong trường hợp có tiền nhàn rỗi tạm thời và các giao dịch này phải được HĐQT phê duyệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tài sản tài chính:		
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.792.400.876	29.123.429.776
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.229.600.795	13.416.983.154
Đầu tư ngắn hạn	24.000.000.000	15.000.000.000
Cộng	67.022.001.671	57.540.412.930
Công nợ tài chính:		
Các khoản vay	24.680.000	-
Phải trả người bán và phải trả khác	15.021.637.232	10.994.544.205
Chi phí phải trả	698.102.153	289.525.841
Cộng	15.744.419.385	11.284.070.046

Rủi ro tín dụng

Công ty kiểm soát rủi ro tín dụng bằng cách xác định hạn mức rủi ro cho từng khách hàng. Công ty đang áp dụng chính sách chỉ giao dịch với khách hàng đáng tin cậy về mặt tín dụng. Không có những tập trung quan trọng về rủi ro tín dụng. Rủi ro tín dụng tối đa mà Công ty có thể gánh chịu được tóm tắt trong bảng dưới đây:

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tiền và tương đương tiền	25.792.400.876	29.123.429.776
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.229.600.795	13.416.983.154
Cộng	43.022.001.671	42.540.412.930

Công ty không nắm giữ các thế chấp cho các khoản phải thu. Tất cả các khoản phải thu quá hạn đều được đánh giá tổn thất một cách phù hợp. Mục 4.6 cung cấp những phân tích về dự phòng phải thu khó đòi.

Các tài sản sẵn sàng để bán là các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn và do đó không có những rủi ro về tín dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro thanh khoản

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản trên cơ sở ngày đến hạn được mong đợi.

Bảng dưới đây phân tích nợ tài chính theo ngày đến hạn còn lại theo hợp đồng:

	Vay và nợ VND	Nợ phải trả VND	Cộng VND
Dưới 01 năm	24.680.000	15.719.739.385	15.744.419.385
Tại ngày 31/12/2024	24.680.000	15.719.739.385	15.744.419.385
	Vay và nợ VND	Nợ phải trả VND	Cộng VND
Dưới 01 năm	-	11.284.070.046	11.284.070.046
Tại ngày 01/01/2024	-	11.284.070.046	11.284.070.046

Công ty dự kiến sẽ thanh toán tất cả các khoản nợ khi đến hạn. Để đáp ứng các cam kết thanh toán này, Công ty dự kiến các hoạt động kinh doanh sẽ tạo ra đủ dòng tiền vào. Ngoài ra, Công ty đang nắm giữ các tài sản tài chính có thị trường thanh khoản và sẵn sàng đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2024 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.

12. CÁC THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC

Công ty đang sử dụng một số tài sản cố định là máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất làm tài sản đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty nhằm tăng hạn mức tín dụng theo hợp đồng vay đã ký kết với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Công ty chưa thực hiện giải ngân bất kỳ khoản vay nào.



Kỷ Minh Du
Tổng Giám đốc

Người lập

(Signature)

Lê Thị Hồng Thắm
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 19 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024 CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Bình Dương, ngày 16 tháng 4 năm 2025



KỶ MINH DƯ